

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4/8 /XMST-KHCL
V/v mời chào gói mua sắm:
Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn
(Ký hiệu: XMST/2019/ĐTCCMM)

Phủ Thọ, ngày 02 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.
Gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn (Ký hiệu: XMST/2019/ĐTCCMM)

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-XMST ngày 17/4/2019 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt phương án mua sắm Mua vật tư đúc thép chịu nhiệt; mua vật tư đúc thép chịu mài mòn; mua băng tải cao su; mua tấm lót bàn nghiền máy nghiền than phục vụ sản xuất năm 2019,

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn (Ký hiệu: XMST/2019/ĐTCCMM) (Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá gửi kèm). Trân trọng kính mời các nhà cung cấp tham gia chào giá xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hồi 9h30', ngày 10./5/2019.**


Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hồi 9h45', ngày 10./5/2019.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Nam: 0915 025 084.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BGĐ (b/c);
- TCHC (để đăng tải thông tin);
- KHCL;
- Lưu: VT. 

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

**Tên gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn
(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/ĐTCMM)
Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao**

Phủ Thọ, tháng 5/2019

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/ĐTCMM
Tên gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn
Thuộc Phương án mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu nhiệt; mua vật tư đúc thép chịu mài mòn; mua băng tải cao su; mua tấm lót bàn nghiền máy nghiền than phục vụ sản xuất năm 2019.
Thời điểm phát hành : Hời 8h00' ngày 03./5/2019.

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng 


Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- 000 -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/ĐTCMM
Tên gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn
Thuộc Phương án mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu nhiệt; mua vật tư đúc thép chịu mài mòn; mua băng tải cao su; mua tấm lót bàn nghiền máy nghiền than phục vụ sản xuất năm 2019.
Thời điểm phát nành : Hội 8h00' ngày/5/2019.

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng


Nguyễn Văn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn (ký hiệu: XMST/2019/ĐTCMM).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2019.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian giao hàng: 02 đợt:

+ Đợt 1 tháng 5/2019;

+ Đợt 2 tháng 10/2019;

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm => Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 12 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư

mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VNĐ.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp theo yêu cầu tại Mục 1, Mục 2 Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05A Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu;
5. Nội dung đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thuộc Mục 3 Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
6. Dự thảo hợp đồng.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương I và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm chào giá: Không áp dụng

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm chào giá trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm chào giá

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm chào giá: **Không áp dụng**.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm chào giá: **Không áp dụng**.

3. Bảo đảm chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm chào giá thực hiện theo quy định.

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của

người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **9 giờ 30' ngày 10. tháng 5 năm 2019.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **9 giờ 45' ngày 10. tháng 5 năm 2019** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt giá trị gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định lựa chọn nhà cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Dũng – TP Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0979.872.728).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;
- i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a) Nhà cung cấp nộp bản cam kết theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu để chứng minh nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu nêu trong TCG;
- b) Nhà cung cấp phải có ít nhất 01 hợp đồng tương tự đã cung cấp trong vòng 02 năm gần nhất, giá trị hợp đồng tương tự $\geq 400.000.000$ đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không

có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: _____ [*Ghi tên gói mua sắm*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Vật liệu	ĐVT	Số lượng		Khối lượng đơn tạm tính (kg)	Khối lượng tổng tạm tính (kg)		Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)	
					Đợt 1	Đợt 2		Đợt 1	Đợt 2		Đợt 1	Đợt 2
I	Máy đập đá vôi											
1	Búa đập đá vôi	Bản vẽ	Γ14X2	Quá	35		130	4550				
2	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 1.1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		40	40				
3	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 1.2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2		35	70				
4	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	3		118	354				
5	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 3	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	3		140	420				
6	Tấm đe đập loại nhỏ	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	121		242			
7	Tấm đe đập loại to	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	245		490			
8	Sàng ghi số 1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	700		700			
9	Sàng ghi số 4	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	660		660			
II	Máy đập Clinker											
1	Búa đập clinker	Bản vẽ	Γ14X2	Quá		20	52		1040			
2	Sàng ghi 5 thanh máy đập clinker	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	125	0	250			
III	Máy đập phụ gia											
1	Sàng ghi máy đập phụ gia		Γ14X2	Bộ	1	1	730	730	730			
2	Đe đập phụ gia loại to	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2	2	105	210	210			
3	Đe đập phụ gia loại nhỏ	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2		50	100				
4	Tấm lót chữ C-01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		98	98				
5	Tấm lót chữ C-02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		98	98				
6	Tấm lót chữ C-03	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		78	78				
7	Tấm lót chữ C-04	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		78	78				
8	Tấm lót chữ C-05	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55				
9	Tấm lót chữ C-06	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55				
10	Tấm lót chữ C-07	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55				
11	Tấm lót chữ C-08	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55				
12	Tấm lót phụ gia 21.02.01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	50		100			
13	Tấm lót phụ gia 21.02.02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	33		66			
14	Tấm lót phụ gia 21.02.03	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		8	50		400			
15	Tấm lót phụ gia 21.02.04	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		3	120		360			
16	Tấm lót phụ gia 21.02.05	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		6	62		372			
17	Tấm lót hình thang 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		30	30				
18	Tấm lót hình thang 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		30	30				
19	Tấm lót hình ngũ giác 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	57		57			
20	Tấm lót hình ngũ giác 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	57		57			
21	Tấm lót hình thang cong 1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		59	59				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Vật liệu	ĐVT	Số lượng		Khối lượng đơn tạm tính (kg)	Khối lượng tổng tạm tính (kg)		Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)	
					Đợt 1	Đợt 2		Đợt 1	Đợt 2		Đợt 1	Đợt 2
22	Tấm lót hình thang cong 2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		59	59				
23	Tấm lót tam giác cong 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		47	47				
24	Tấm lót tam giác cong 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		47	47				
A	Cộng											
B	Thuế VAT 10%											
C	Tổng cộng sau thuế											

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]
Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]
Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá⁽¹⁾.		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẴM

Mục 1. Phạm vi cung cấp:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Vật liệu	ĐVT	Số lượng		Khối lượng đơn tạm tính (kg)	Khối lượng tổng tạm tính (kg)	
					Đợt 1	Đợt 2		Đợt 1	Đợt 2
I	Máy đập đá vôi								
1	Búa đập đá vôi	Bản vẽ	Γ14X2	Quả	35		130	4550	
2	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 1.1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		40	40	
3	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 1.2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2		35	70	
4	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	3		118	354	
5	Tấm lót phía trước buồng đập hàng số 3	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	3		140	420	
6	Tấm đe đập loại nhỏ	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	121		242
7	Tấm đe đập loại to	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	245		490
8	Sàng ghi số 1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	700		700
9	Sàng ghi số 4	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	660		660
II	Máy đập Clinker								
1	Búa đập clinker	Bản vẽ	Γ14X2	Quả		20	52		1040
2	Sàng ghi 5 thanh máy đập clinker	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	125	0	250
III	Máy đập phụ gia								
1	Sàng ghi máy đập phụ gia		Γ14X2	Bộ	1	1	730	730	730
2	Đe đập phụ gia loại to	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2	2	105	210	210
3	Đe đập phụ gia loại nhỏ	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	2		50	100	
4	Tấm lót chữ C-01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		98	98	
5	Tấm lót chữ C-02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		98	98	
6	Tấm lót chữ C-03	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		78	78	
7	Tấm lót chữ C-04	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		78	78	
8	Tấm lót chữ C-05	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55	
9	Tấm lót chữ C-06	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55	
10	Tấm lót chữ C-07	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55	
11	Tấm lót chữ C-08	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		55	55	
12	Tấm lót phụ gia 21.02.01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	50		100
13	Tấm lót phụ gia 21.02.02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		2	33		66
14	Tấm lót phụ gia 21.02.03	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		8	50		400
15	Tấm lót phụ gia 21.02.04	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		3	120		360
16	Tấm lót phụ gia 21.02.05	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		6	62		372
17	Tấm lót hình thang 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		30	30	
18	Tấm lót hình thang 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		30	30	
19	Tấm lót hình ngũ giác 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	57		57
20	Tấm lót hình ngũ giác 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái		1	57		57
21	Tấm lót hình thang cong 1	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		59	59	
22	Tấm lót hình thang cong 2	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		59	59	
23	Tấm lót tam giác cong 01	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		47	47	
24	Tấm lót tam giác cong 02	Bản vẽ	Γ14X2	Cái	1		47	47	

Mục 2. Tiến độ cung cấp.

Thời gian giao hàng: 02 đợt:

+ Đợt 1 tháng 5/2019;

+ Đợt 2 tháng 10/2019.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Chủng loại cung cấp	Đúng yêu cầu nêu tại mục 1	Không đúng yêu cầu nêu tại mục 1
2	Khối lượng cung cấp	Chương này	Chương này
3	<p>Điều kiện nghiệm thu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trước khi chế tạo nhà cung cấp phải đến hiện trường khảo sát thực tế để gia công phù hợp với thiết bị hiện có.- Hàng hóa mới 100%, dung sai các kích thước theo đúng TCXD 170-2007 và TCVN 224499.- Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch bavia, làm cùn cạnh sắc, không cong vênh, không có khuyết tật nứt, ngậm xỉ, rỗ khí.- Đúng thành phần hóa học của $\Gamma 14X2$ (có kết quả phân tích thành phần hóa học của Quacert hoặc tương đương).- Có giấy chứng nhận xuất xưởng của đơn vị sản xuất. <p>- Khối lượng nghiệm thu theo TCVN 2234-78 đối với vật tư đúc bằng thép.</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản phẩm phải lắp tương thích với thiết bị nhà máy.- Trên sản phẩm phải ghi tên hoặc ký hiệu nhà sản xuất, mã bản vẽ, thời điểm gia công (tháng và năm) <p>Điều kiện bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục I.1 (búa đập đá vôi) và Mục II.1 (búa đập Clinker) bảo hành chất lượng hàng hóa trong thời gian 12 tháng từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng kể từ khi nhập kho tùy điều kiện nào đến trước.- Các mục còn lại bảo hành chất lượng hàng hóa trong thời gian 06 tháng từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 12 tháng kể từ khi nhập kho tùy điều kiện nào đến trước.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
Đánh giá	<u>Đáp ứng</u>	Đạt tất cả các nội dung trên	
	<u>Không đáp ứng</u>	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2019/HĐKT

V/v cung cấp vật tư đúc thép chịu mài mòn

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMST, ngày/...../2019 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mua vật tư đúc thép chịu mài mòn;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng giữa Hai Bên ngày/...../2019;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày/...../2019, tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3884927 Fax: 0210.3884.929

Mã số thuế : 2600279082

Tài khoản : 115000040144

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đền Hùng.

II. BÊN B :

Đại diện : Chức vụ:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế :

Tài khoản :

Ngân Hàng :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung, giá trị Hợp đồng:

1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán vật tư đúc thép chịu mài mòn.

1.2. Giá trị của Hợp đồng: đồng

(Bằng chữ:).

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

Theo nội dung yêu cầu của Thư mời chào giá

1.3. Giá trị nêu trên đã bao gồm chi phí vật tư, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng đến kho của Bên A (*giao hàng trên phương tiện vận chuyển của Bên B*) và các chi phí khác có liên quan.

1.4. Khối lượng vật tư nêu trong Hợp đồng là tạm tính, khối lượng thanh, quyết toán theo khối lượng thực tế chế tạo được nghiệm thu.

1.5. **Loại Hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, nghiệm thu và nhập kho hàng hóa:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

a. Hàng hoá được gia công đúc mới 100%, đúng theo theo bản vẽ của Bên A.

b. Các sản phẩm phải được đúc đúng mác thép theo yêu cầu nêu tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng. Sản phẩm đúc phải được thí nghiệm, kiểm tra thành phần hóa học vật liệu. Kết quả thử nghiệm thành phần hóa học theo quy trình nêu tại mục 2.2 dưới đây là căn cứ để Hai Bên nghiệm thu sản phẩm.

c. Hàng hóa đúc phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nêu trong bản vẽ như: Sản phẩm sau khi đúc phải được làm sạch, loại bỏ ba vĩa, làm cùn cạnh sắc không cong, vênh, không có các khuyết tật nứt, ngậm xỉ, rỗ khí.

d. Yêu cầu dung sai về kích thước và trọng lượng theo tiêu chuẩn Nhà nước "TCVN 2344-78 - *Vật đúc bằng thép - Sai lệch cho phép về kích thước và khối lượng, lượng dư cho gia công cơ*".

Dung sai về khối lượng tính cho 01 sản phẩm yêu cầu phải đảm bảo không quá 5% trọng lượng sản phẩm nêu tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng.

Khối lượng các sản phẩm Bên B đúc dư vượt quá 5% sẽ không được Bên A thanh toán.

e. Hàng hóa sau khi đúc không được sơn phủ bằng bất cứ loại sơn nào.

f. Các hàng hóa sau khi đúc khi xuất xưởng phải có giấy chứng nhận chất lượng của Nhà máy sản xuất.

g. Các sản phẩm phải đảm bảo khi lắp đặt phải tương thích với thiết bị Nhà máy Bên A.

2.2. Yêu cầu thí nghiệm, kiểm tra thành phần hóa học vật liệu sử dụng đúc:

a. Để có cơ sở nghiệm thu và đối chứng, Hai Bên thống nhất khi đúc xong sản phẩm Bên B lấy mẫu tại vị trí bất kỳ trên sản phẩm theo yêu cầu của Bên A. Vị trí lấy mẫu trên sản phẩm được Hai Bên thống nhất sao cho không làm ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Số lượng mẫu lấy là 03 mẫu, trong đó 01 mẫu gửi đến Phòng thí nghiệm độc lập để phân tích, Bên A lưu 01 mẫu, Bên B lưu 01 mẫu.

b. Hai Bên thống nhất chọn Phòng thí nghiệm hợp chuẩn độc lập với Nhà thầu để gửi mẫu yêu cầu làm thí nghiệm. Hai Bên có trách nhiệm gửi mẫu đến Phòng thí nghiệm được chọn để làm thí nghiệm.

c. Quy cách mẫu thí nghiệm được Hai Bên thống nhất (20x30x10). Biên bản lấy mẫu được Hai Bên ký. Chi phí lấy mẫu, thí nghiệm phân tích thành phần hóa học vật liệu của mẫu do Bên B chịu.

d. Trường hợp kết quả phân tích mẫu vật liệu của Phòng thí nghiệm không phù hợp với vật liệu yêu cầu, Bên A sẽ không nghiệm thu sản phẩm và Bên B phải cấp sản phẩm khác

đúng chủng loại vật liệu. Khi đó, Bên A sẽ không phải đền bù bất cứ thiệt hại nào cho Bên B, ngược lại Bên B phải chịu trách nhiệm đền bù mọi thiệt hại (nếu có) liên quan đến việc cấp lại sản phẩm hàng hóa.

2.3. Nghiệm thu và nhập kho hàng hóa:

a. Khi Bên B cung cấp hàng hóa đúng yêu cầu kỹ thuật nêu tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng, có đầy đủ giấy tờ kèm theo, Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu kỹ thuật và nghiệm thu khối lượng (qua cân) và làm thủ tục nhập kho hàng hóa.

Khối lượng sản phẩm khi nghiệm thu phải được cân qua cân điện tử, có ảnh chụp kết quả cân và phải được lập thành Biên bản trong đó có các thành phần tham gia nghiệm thu, nhập kho của cả Hai Bên ký.

b. Bên A có quyền từ chối nghiệm thu hàng hóa nếu hàng hóa do Bên B cung cấp không đúng thông số kỹ thuật, gia công không đúng theo bản vẽ, không sử dụng vật liệu chế tạo theo yêu cầu.

c. Bên B có trách nhiệm chế tạo hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật thay thế cho các hàng hóa bị Bên A từ chối nghiệm thu. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian giao hàng: Giao hàng 02 đợt:

+ Đợt 1: Tháng 5/2019.

+ Đợt 2: Tháng 10/2019.

Trước khi giao hàng 01 ngày, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian giao hàng.

3.2. Địa điểm giao hàng: Tại kho Bên A, địa chỉ: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, giao hàng trên phương tiện của Bên B.

Điều 4. Phương thức thanh toán, quyết toán:

4.1. Quyết toán Hợp đồng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc giao hàng cho Bên A, Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu hàng hóa và lập Hồ sơ quyết toán Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT theo luật định, Bên A thanh toán cho Bên B 95% giá trị quyết toán và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành hoặc Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán khi Bên B cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán và có hiệu lực trong 18 tháng, kể từ ngày phát hành bảo lãnh.

4.2. Thanh lý Hợp đồng:

Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh (nếu có), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành. Bên A thanh toán nốt cho Bên B số tiền còn lại (*trong trường hợp Bên A giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành*) trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được giấy xác nhận hết bảo hành. Trường hợp Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh của Ngân hàng, Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán thì Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý sau khi Hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình và không còn vướng mắc gì.

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- a. Tạo điều kiện cho Bên B đến khảo sát, cung cấp các bản vẽ gia công (đối với các vật tư đúc theo bản vẽ do Bên A cung cấp).
- b. Cử cán bộ giám sát Bên B trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- c. Phối hợp cùng với Bên B lấy mẫu sản phẩm theo quy định tại Khoản 2.2 - Điều 2 của Hợp đồng và nghiệm thu khối lượng, chất lượng hàng hóa Bên B cung cấp; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
- d. Bố trí nhân lực, phương tiện bốc dỡ, hạ hàng, giải phóng phương tiện vận tải cho Bên B tại Nhà máy xi măng Sông Thao.
- e. Thanh, quyết toán và thanh lý Hợp đồng theo đúng Điều 5 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- a. Cung cấp cho Bên A đúng chủng loại, đủ số lượng hàng hóa như nêu tại Điều 1, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng nội dung quy định tại Khoản 2.1- Điều 2 và giao hàng đúng thời gian, địa điểm nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.
- b. Phối hợp cùng Bên A lấy mẫu sản phẩm theo quy định tại Khoản 2.2 - Điều 2 của Hợp đồng và nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- c. Cung cấp giấy phân tích thành phần hóa học vật liệu của Đơn vị độc lập có chức năng, giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất theo qui định tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng.
- d. Bảo hành chất lượng hàng hóa theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.
- e. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Trường hợp Bên B giao hàng chậm hơn thời gian qui định trong Hợp đồng, Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị hàng hóa giao chậm/01 ngày chậm và thời gian giao chậm không quá 03 ngày, Nếu Bên B giao chậm quá 03 ngày, Bên A có quyền hủy Hợp đồng hoặc không mua vật tư giao chậm nữa mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B, đồng thời khi đó Bên B phải chịu phạt 8,0% giá trị Hợp đồng.

6.2. Trường hợp Bên A thanh toán chậm so với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thì Bên A sẽ phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi loại không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng tại thời điểm thanh toán.

Điều 7. Bảo hành hàng hóa:

7.1. Thời gian bảo hành:

- a. Đối với các vật tư thép đúc chịu nhiệt: Bên B cam kết bảo hành hàng hóa trong 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng, kể từ ngày giao hàng tùy theo điều kiện nào đến trước.
- b. Đối với các vật tư thép đúc chịu mài mòn: Bên B cam kết bảo hành hàng hóa trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu nhập kho, tùy theo điều kiện nào đến trước.

7.2. Trách nhiệm trong thời gian bảo hành:

a. Bên B Bảo hành các hư hỏng hàng hóa do lỗi của Nhà sản xuất, không bảo hành các hư hỏng hàng hóa do lỗi của người sử dụng của Bên A trong quá vận hành gây ra.

b. Trong thời gian bảo hành, khi phát hiện hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của Nhà sản xuất Bên A sẽ thông báo cho Bên B và Bên B có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A trong vòng không quá 48 giờ kể từ khi Bên B nhận được thông báo. Thời gian khắc phục, xử lý sẽ được Hai Bên xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của hàng hóa, nhưng không chậm hơn 10 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B. Kinh phí khắc phục do Bên B chịu.

c. Nếu sau 48 giờ, kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A thì Bên A sẽ chủ động tiến hành khắc phục, sửa chữa, thay thế. Khi đó mọi chi phí khắc phục do Bên B chịu.

Điều 8. Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

8.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

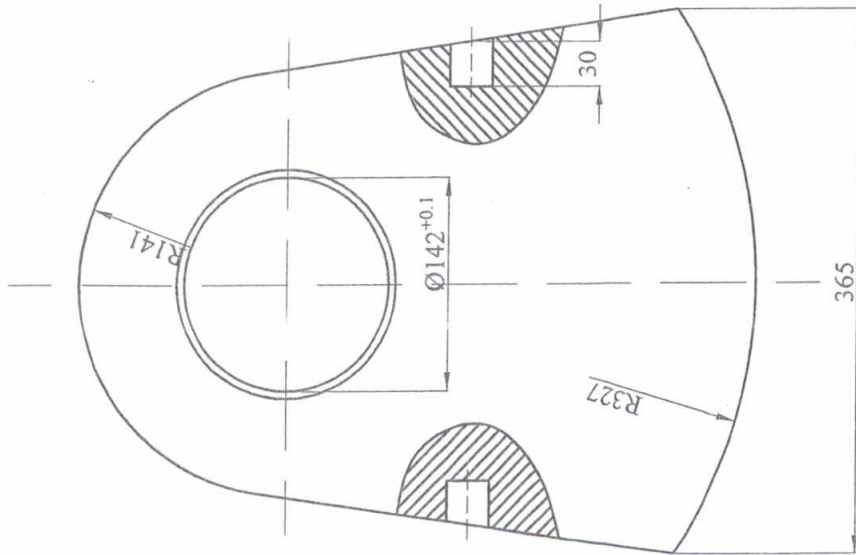
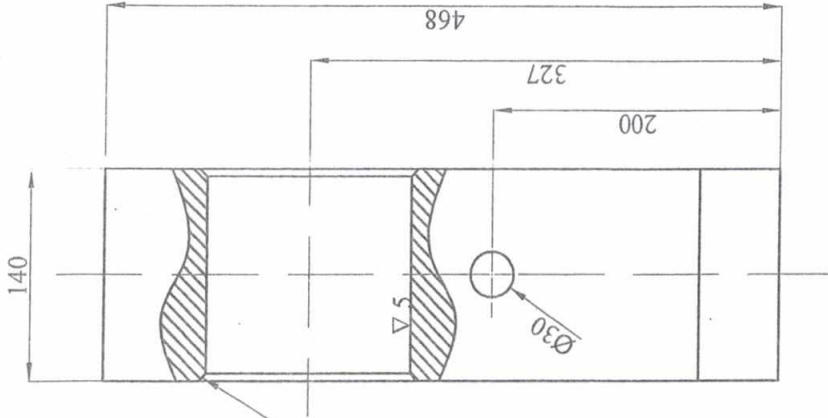
ĐẠI DIỆN BÊN B






Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

.....

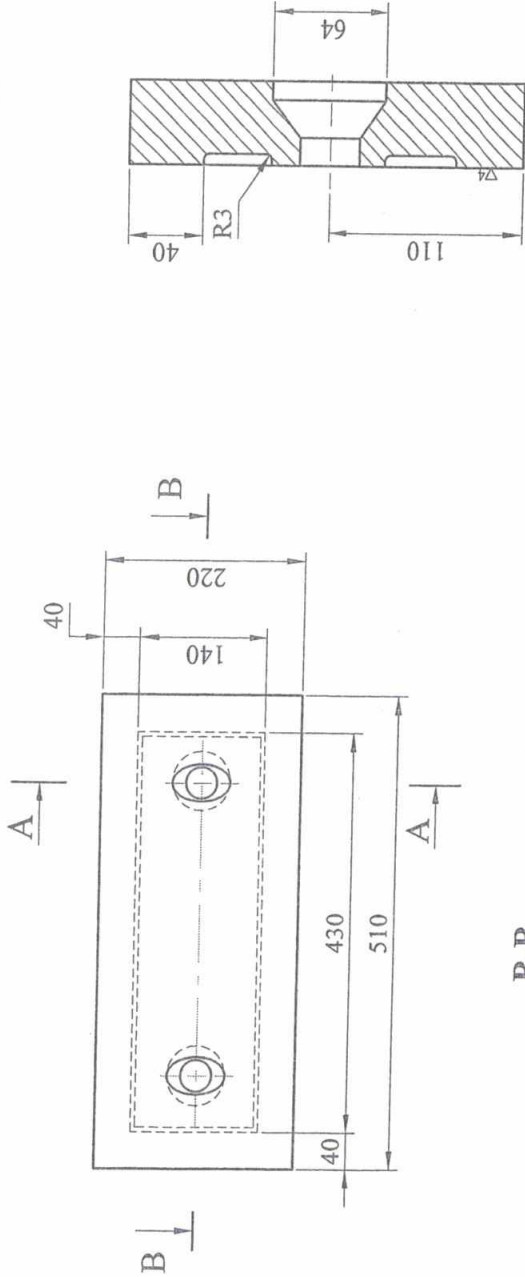
VIC 02.02

1

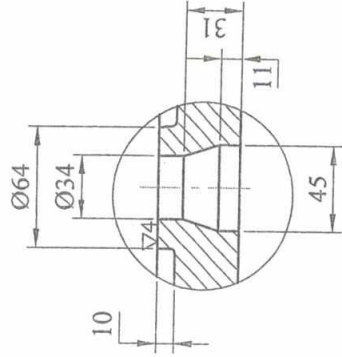


 CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		MÁY ĐẬP 02.02	
Chức năng Duyệt P.KT&NCTK K.tra Người Vẽ	Họ và tên Nguyễn Ngọc Linh Dương Văn Hà Dương Văn Hà Nguyễn Đức Thành	Chữ ký    	Ngày
BÚA ĐẬP ĐÁ VÔI		Số lượng 35 Quả	Khối lượng 130kg/Quả (tạm tính)
Mã bản vẽ: BDDV-02.02		Tỷ lệ: 1:1	Tỷ lệ: 1:1
Xưởng: Nguyên Liệu			

A-A
TL: 2:1



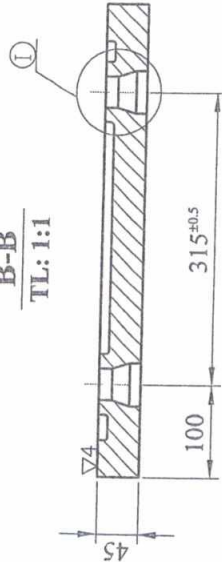
I
TL: 2:1



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$;
- Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xỉ...
- Làm cùn các cạnh sắc $1x45^\circ$;
- Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.

B-B
TL: 1:1

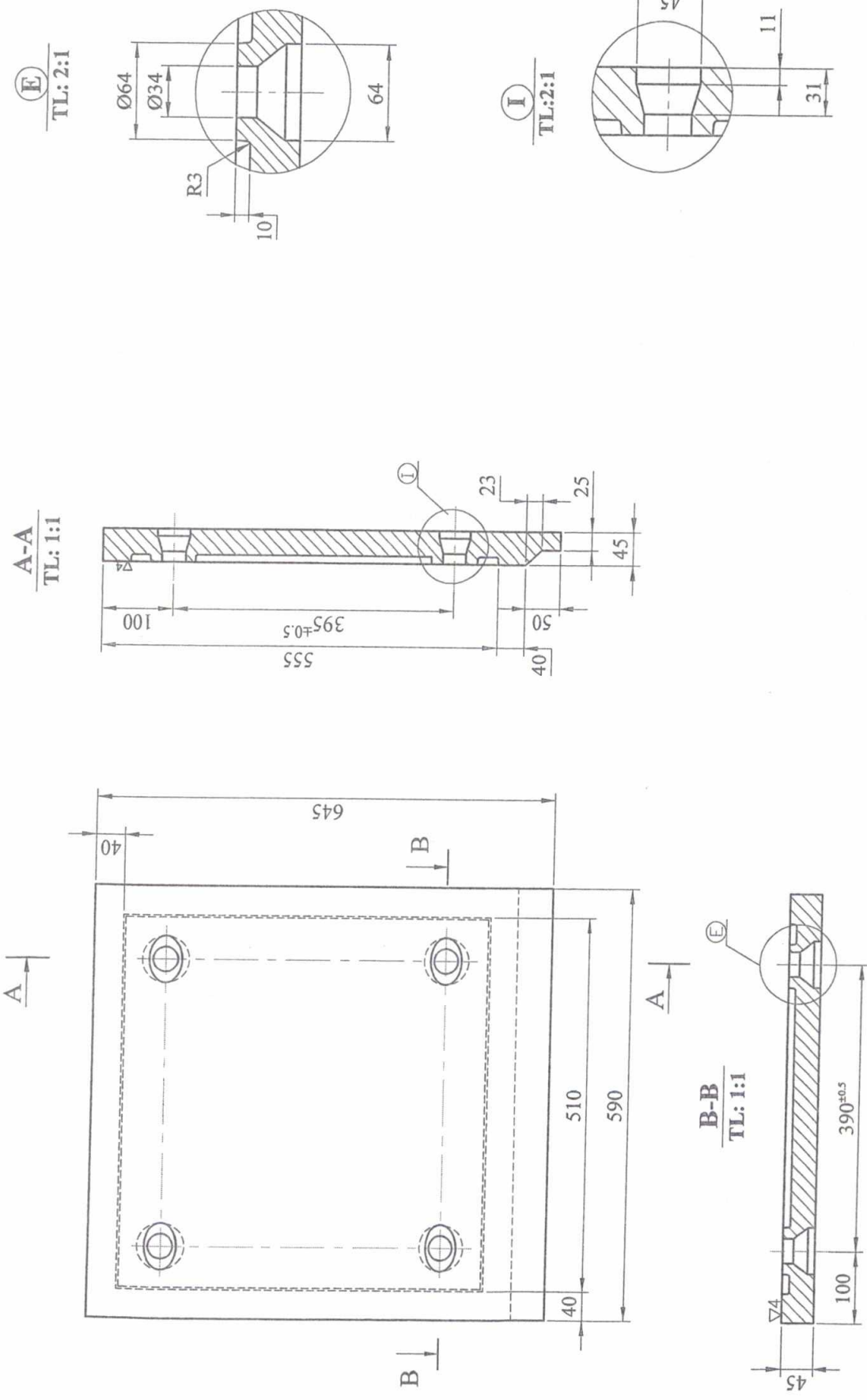


CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

MÁY ĐẬP 02.02

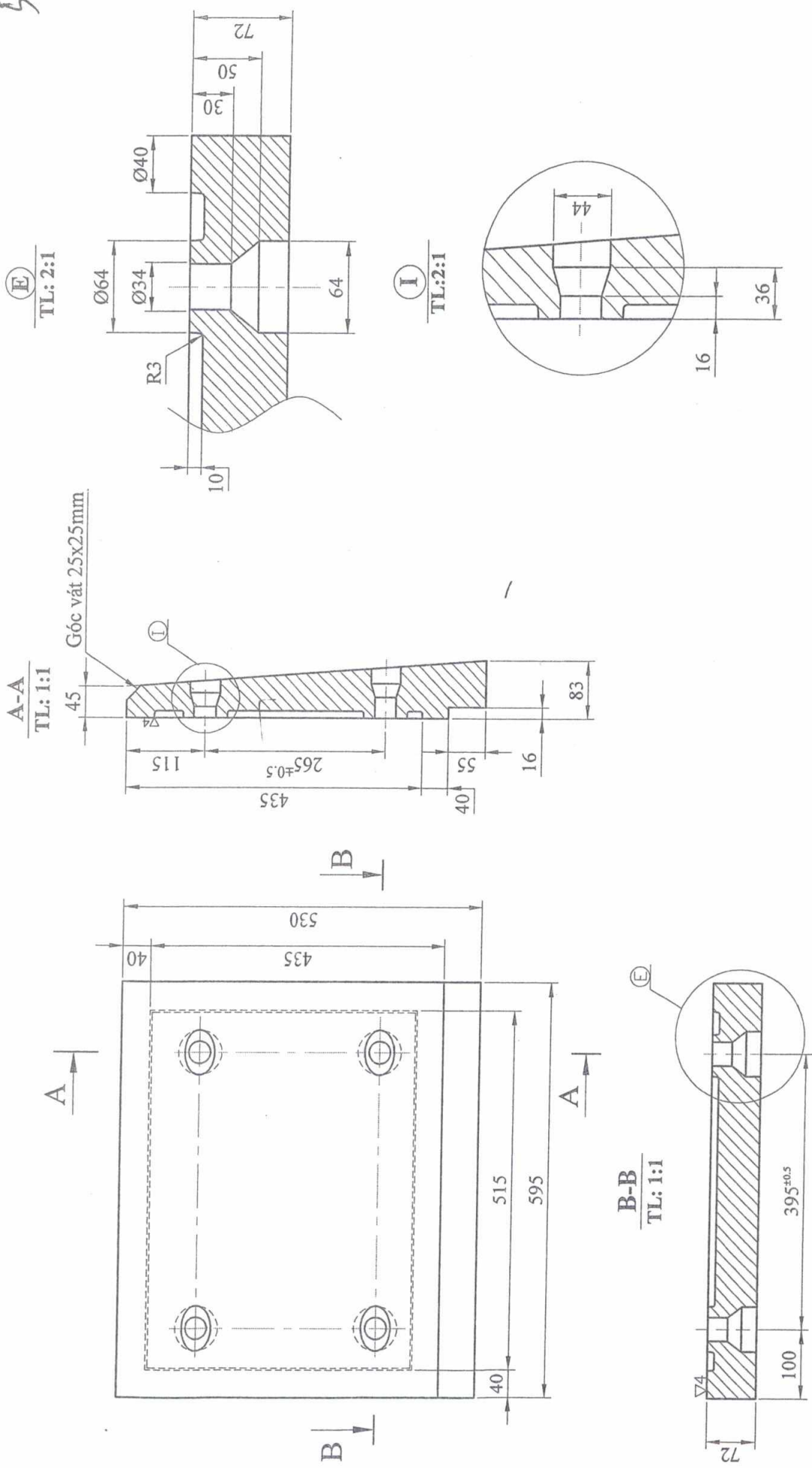
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Ng.Ngọc Linh	<i>[Signature]</i>		$\Gamma 14X2$	02	35 KG
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>		Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: 1:1
K.tra	Vũ Trọng Bắc	<i>[Signature]</i>		ĐƠN VỊ VẼ: XNL		
Người Vẽ	Vũ Việt Dũng	<i>[Signature]</i>	24/11/2019	Mã bản vẽ: 02.02.02		
TÂM LÓT PHÍA TRƯỚC				BUÔNG ĐẬP HÀNG SỐ 1.2		

4

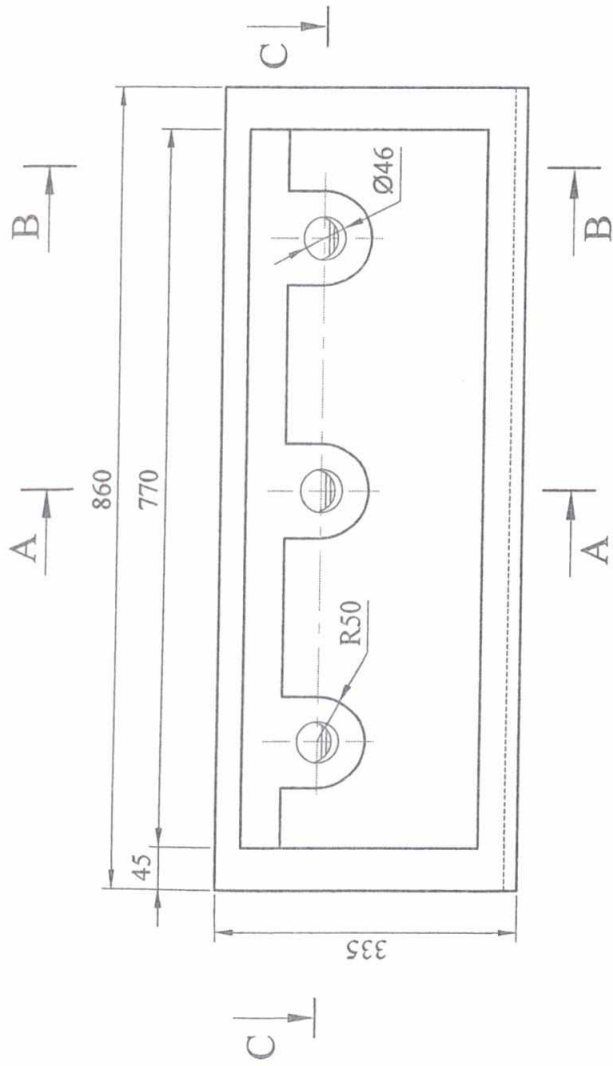


Yêu cầu kỹ thuật:
 - Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xỉ...
 - Làm cùn các cạnh sắc 1x45°;
 - Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.

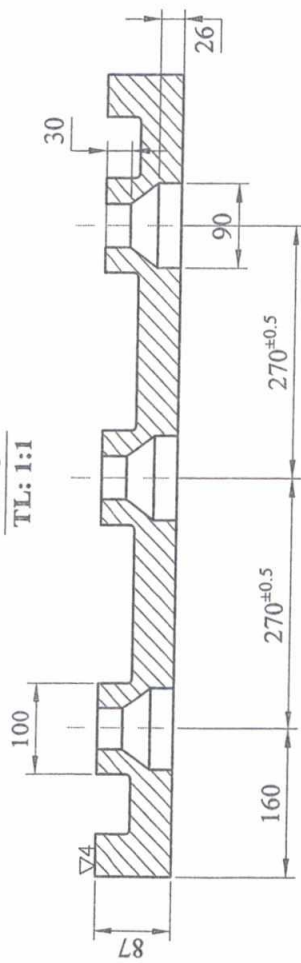
VICEM Tập đoàn Thép Việt Nam		CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		MÁY ĐẬP 02.02	
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng
Duyệt	Ng. Ngọc Linh	<i>[Signature]</i>		Γ14X2	03
P.KT&NCTK	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>		Tơ: 01	Số tờ: 01
K.tra	Vũ Trọng Bắc	<i>[Signature]</i>			Tỷ lệ: 1:1
Người Vẽ	Vũ Việt Dũng	<i>[Signature]</i>	24/11/2019	ĐƠN VỊ VẼ: XNL	
			Mã bản vẽ: 02.02.03		
			TẮM LÓT PHÍA TRƯỚC BUÔNG ĐẬP HÀNG SỐ 2		



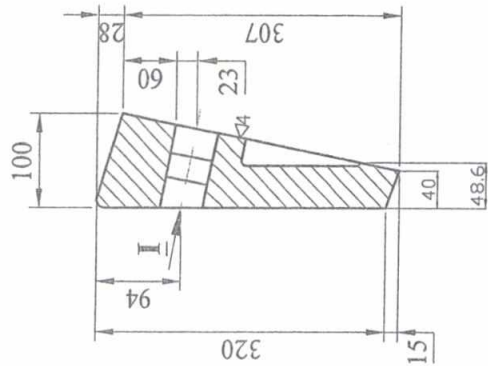
Yêu cầu kỹ thuật: - Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xi... - Làm cùn các cạnh sắc 1x45°; - Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.		CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		MÁY ĐẬP 02.02		
						Chức năng Duyệt P.K.T&NCTK K.tra Người Vẽ
Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xi... Làm cùn các cạnh sắc 1x45°; Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.		TÂM LÓT PHÍA TRƯỚC BUỒNG ĐẬP HÀNG SỐ 3		Vật liệu Γ14X2	Số lượng 03	Khối lượng 140 KG
		Mã bản vẽ: 02.02.04		Tỷ lệ: 01	Tỷ lệ: 1:1	ĐƠN VỊ VẼ: XNL



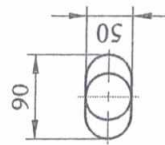
C-C
TL: 1:1



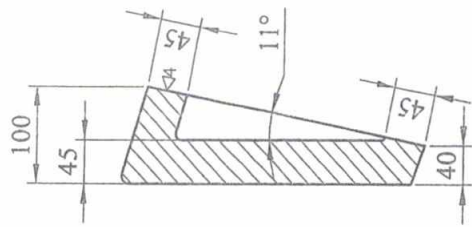
A-A
TL: 1:1



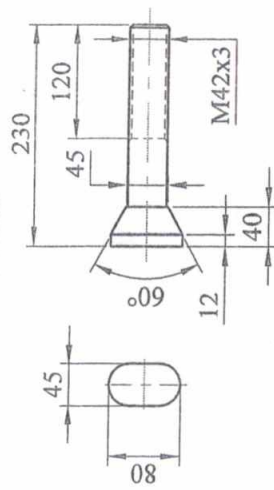
Hướng nhìn I
TL: 1:1



B-B
TL: 1:1



Bu lông tằm để đập
TL: 1:1



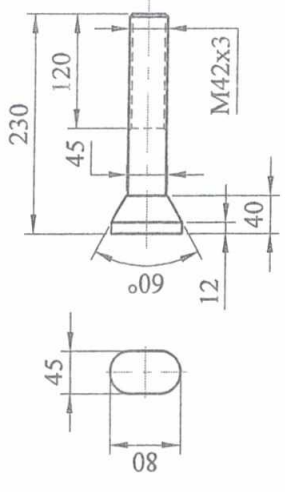
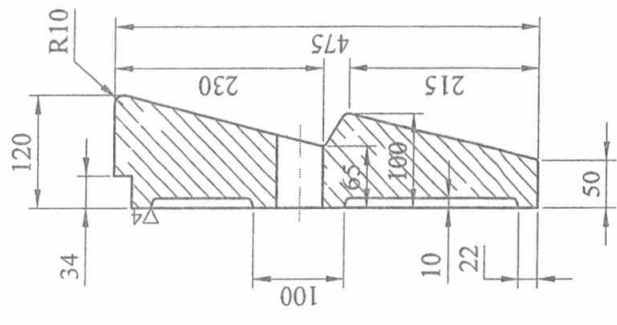
Yêu cầu kỹ thuật:
 - Vật liệu: $\Gamma 14X2$;
 - Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xỉ...
 - Làm cùn các cạnh sắc $1 \times 45^\circ$;
 - Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO Tr. Công. Thương. Đ.		MÁY ĐẬP 02.02		
		Chức năng Duyệt P.KT&NCTK K.tra Người Vẽ	Họ và tên Ng.Ngọc Linh Dương Văn Hà Vũ Trọng Bắc Vũ Việt Dũng	Chữ ký Ngày
TĂM ĐE ĐÁP LOẠI NHỎ		Vật liệu $\Gamma 14X2$	Số lượng 02	Khối lượng 121 kg
Mã bản vẽ: 02.02.08		Tỷ lệ: 1:1	Số tờ: 01	Tỷ lệ: 1:1
ĐƠN VỊ VẼ: XNL				

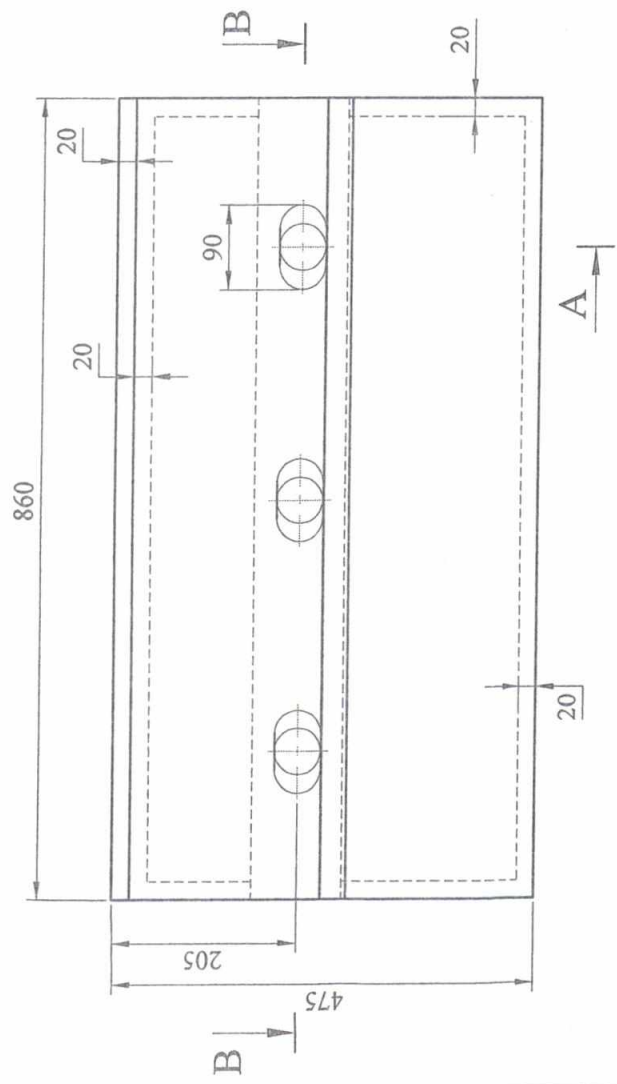
7

Bu lông tám đe đập
TL: 1:1

A-A
TL: 1:1

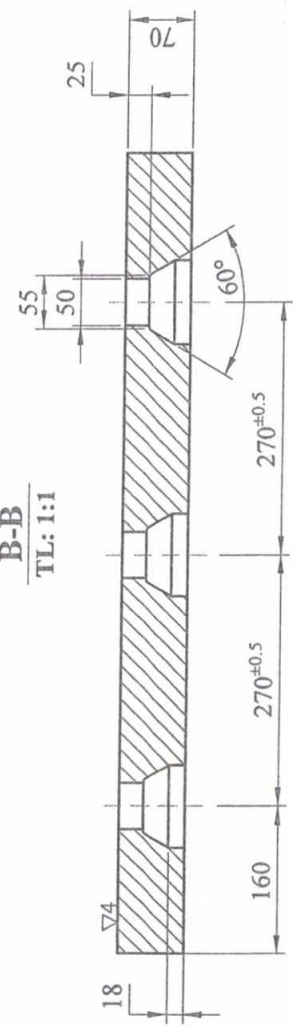


A



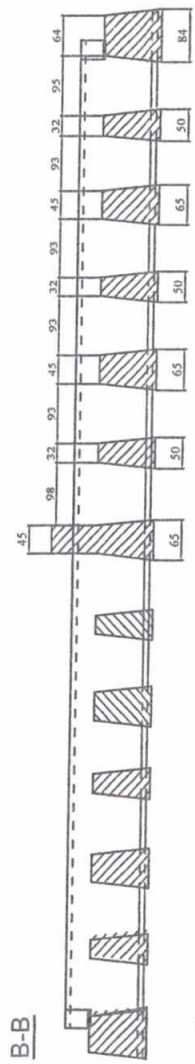
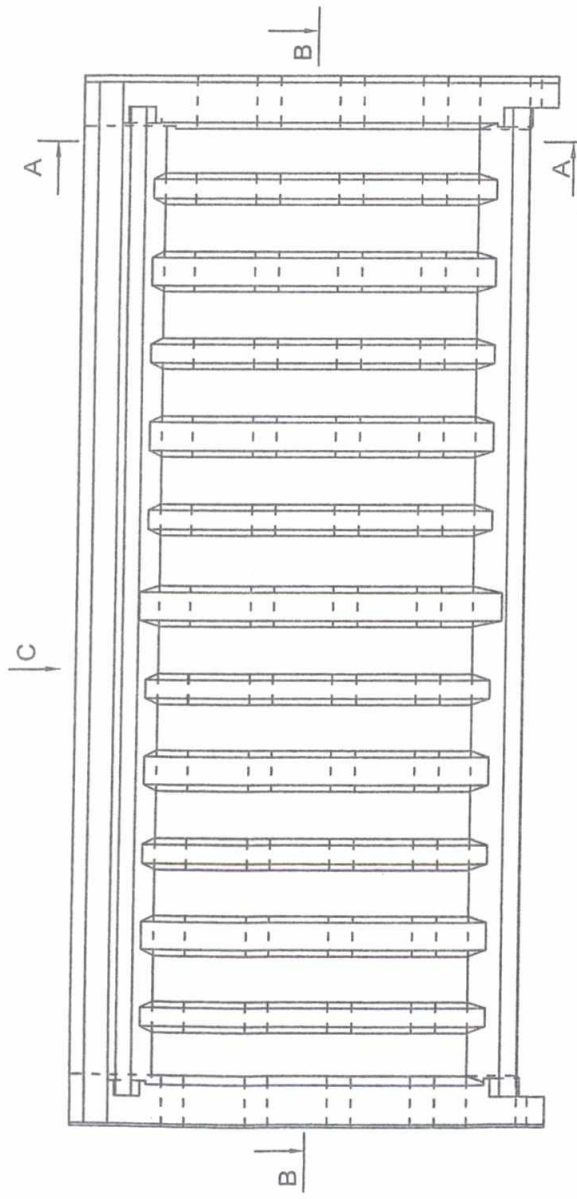
B

B-B
TL: 1:1

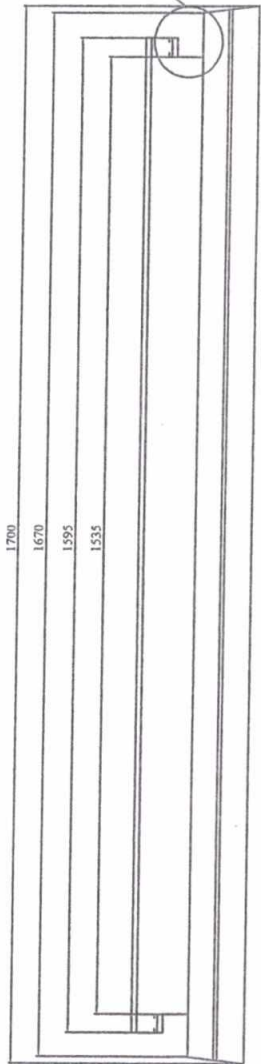


- Yêu cầu kỹ thuật:
 - Vật liệu: Γ14X2;
 - Vật đúc không bị cong, vênh, nứt, rỗ khí, ngậm xỉ...
 - Làm cùn các cạnh sắc 1x45°;
 - Độ nhám của các bề mặt không chỉ dẫn là Rz160.

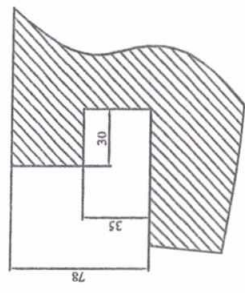
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				MÁY ĐẬP 02.02			
Chức năng Duyệt P.KT&NCTK K.tra Người Vẽ	Họ và tên Ng.Ngọc Linh Dương Văn Hà Vũ Trọng Bắc Vũ Việt Dũng	Chữ ký <i>[Signature]</i> <i>[Signature]</i> <i>[Signature]</i> <i>[Signature]</i>	Ngày	Số lượng 04	Vật liệu Γ14X2	Số lượng 04	Khối lượng 245 KG
Mã bản vẽ: 02.02.09				ĐƠN VỊ VẼ: XNL			



Nhìn theo C

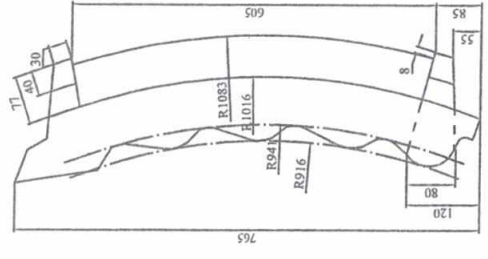
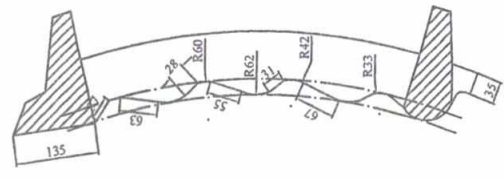


Theo I

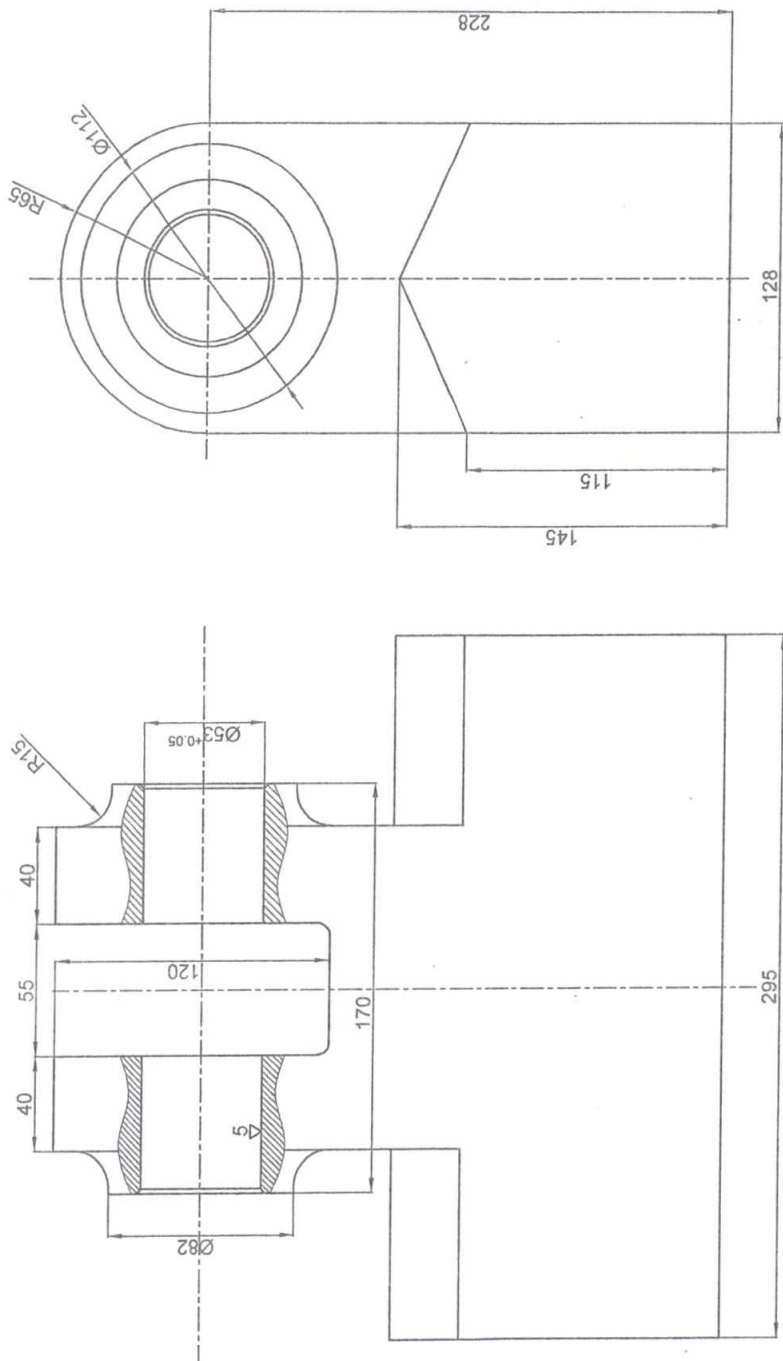


(~) 9

A-A



		CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				MÁY ĐẬP 02.02	
		SÀNG GHI MÁY ĐẬP TẦM SỐ 4		Vật liệu: $\Gamma 14X2$ Số lượng: 01 Cái Khối lượng: 620 Kg			
Chức năng: Duyệt: P.K.T & NCTK K.tra: Vũ Trọng Bắc Người Vẽ: Vũ Việt Dũng	Họ và tên: Ng. Ngọc Linh Dương Văn Hà Vũ Trọng Bắc Vũ Việt Dũng	Chữ ký: 	Ngày: 24/1/2020	Mã bản vẽ: 02.02.20			
YCKT:		Đảm bảo kích thước chi tiết, các điểm uốn, cung R làm theo mẫu thật. Biên dạng làm theo sàng ghi mới của khách hàng cấp. Vật đúc không có ngót, ngậm xỉ, rạn nứt, cong vênh. Làm sạch, sơn bảo vệ.					
				Tỷ lệ: 1:1		ĐƠN VỊ VẼ: XNL	



YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chế tạo đúng kích thước bản vẽ
 Vật đúc không cong vênh, ngậm xỉ, rỗ khí
 Bề mặt lắp ghép đạt độ bóng cấp 5
 Vị trí góc lượn không ghi lấy R5
 Búa chịu được 600°C



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

MÁY ĐÁP CLINKER

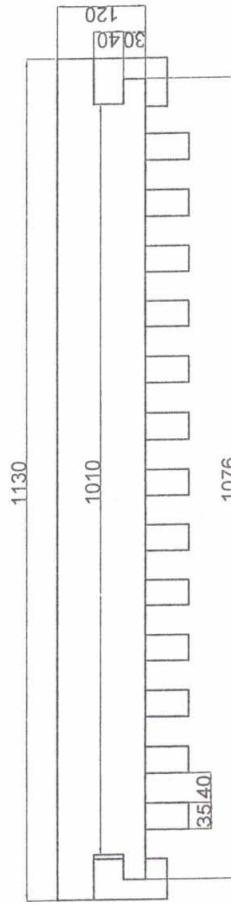
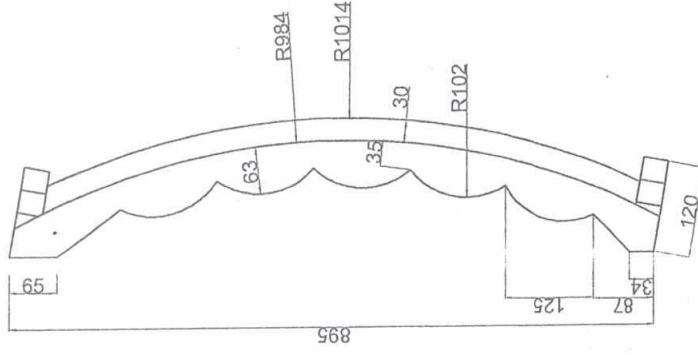
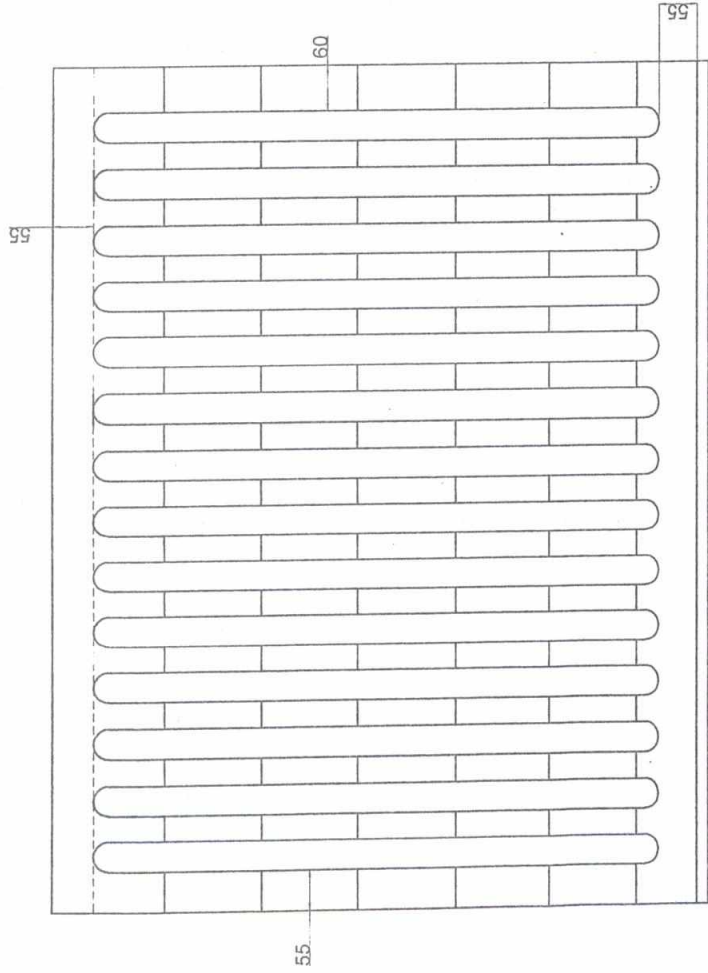
Hạng mục: LẮM NGUỘI CLINKER

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Γ14X2	20 Quả	52kg/quả (tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

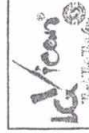
Mã bản vẽ: 02.03.02

Xưởng: Clinker



Yêu cầu:

- Vật liệu: Thép $\Gamma 14X2$
- Bản vẽ chỉ mang tính tham khảo để xác định khối lượng.
- Trước khi gia công nhà thầu phải đến khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

SÀNG GHI MÁY ĐẬP PHỤ GIA
Hạng mục: Máy đập phụ gia

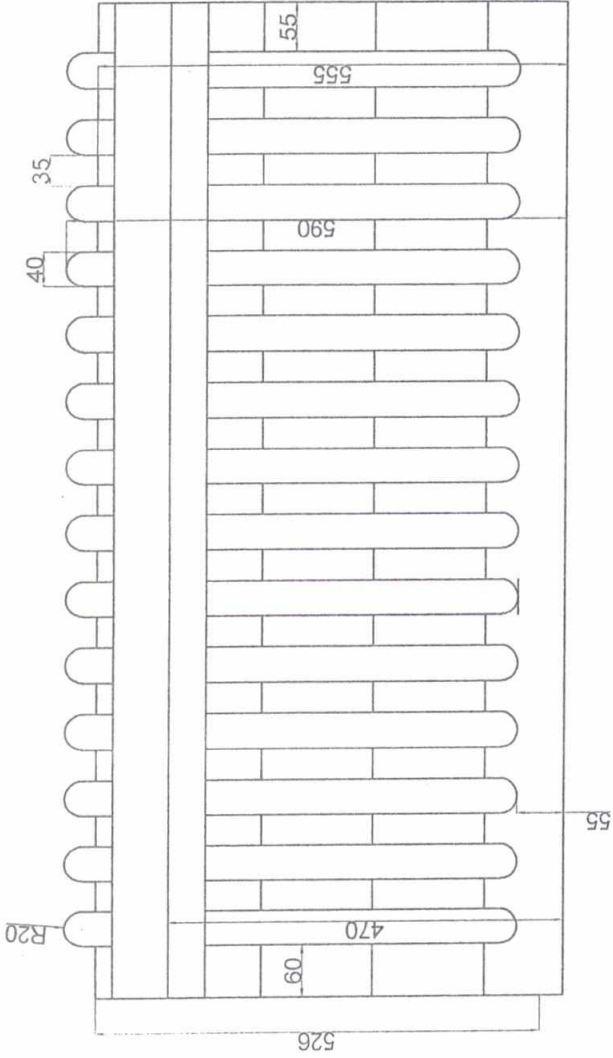
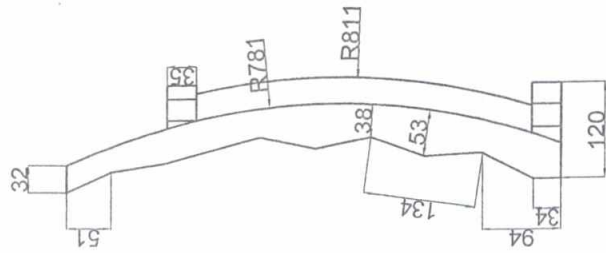
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh	<i>[Signature]</i>	
P. KT&NCKT	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>	
Kiểm tra	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>	
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành	<i>[Signature]</i>	

SÀNG GHI SỐ 1

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 Cái	350 Kg/01 cái (*Tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 03	Tỷ lệ: N/A

Xưởng: Xi măng

Mã bản vẽ: 02-04-01-1



Yêu cầu:

- Vật liệu: Thép $\Gamma 14X2$
- Bản vẽ chỉ mang tính tham khảo để xác định khối lượng.
- Trước khi gia công nhà thầu phải đến khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

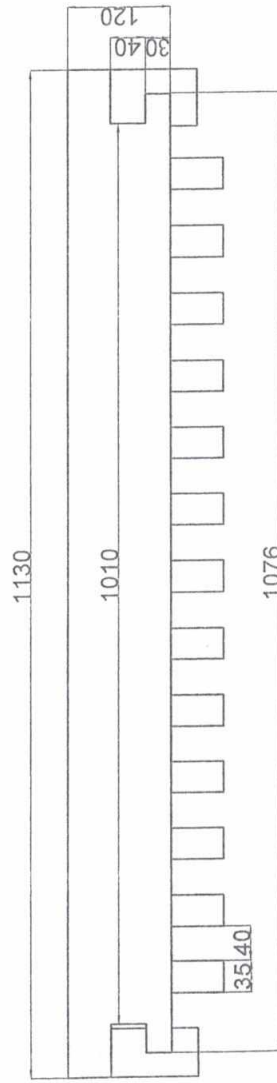
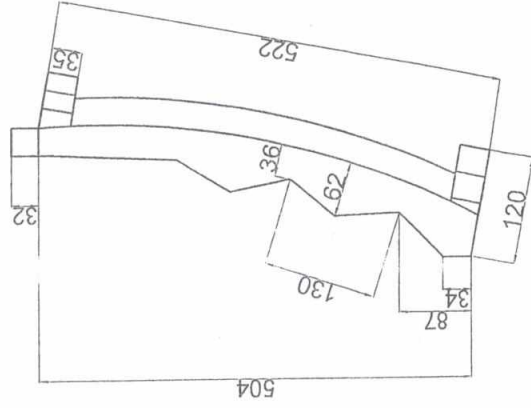
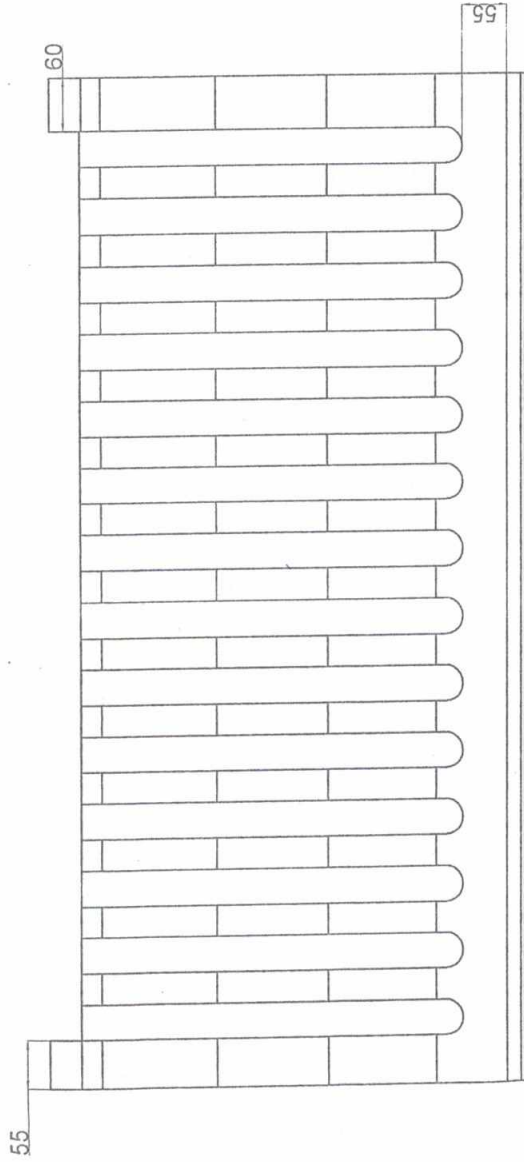
SÀNG GHI MÁY ĐẬP PHỤ GIA
 Hạng mục: Máy đập phụ gia

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			$\Gamma 14X2$	01 Cái	260 kg/01 cái (Tạm tính)
P. KT&NCKT	Dương Văn Hà			Tờ: 02	Số tờ: 03	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					

SÀNG GHI SỐ 2

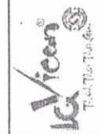
Mã bản vẽ: 02.04.01-2

Xưởng: Xi măng



Yêu cầu:

- Vật liệu: Thép $\Gamma 14X2$
- Bản vẽ chỉ mang tính tham khảo để xác định khối lượng.
- Trước khi gia công nhà thầu phải đến khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

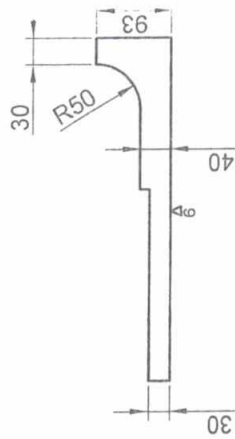
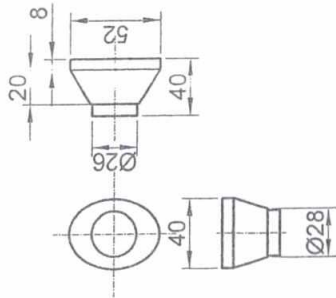
SÀNG GHI MÁY ĐẬP PHỤ GIA
Hạng mục: Máy đập phụ gia

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			$\Gamma 14X2$	01 Cái	240 kg/01 cái (Tạm tính)
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ: 03	Số tờ: 03	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					

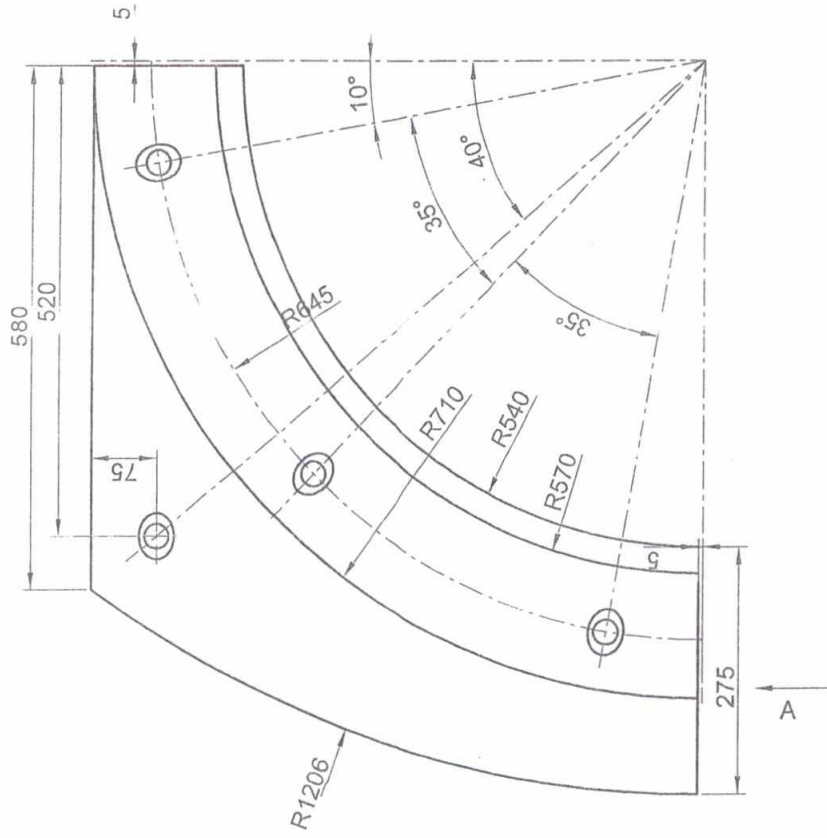
Mã bản vẽ: 02.04.01-3

Xưởng: Xi măng

Lỗ bu lông



Nhin theo A



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5x45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Lằm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÂM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

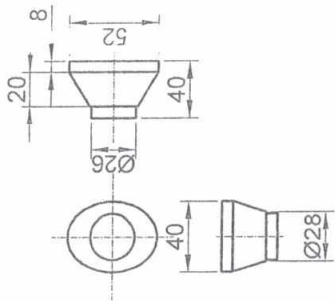
TÂM LÓT CHỮ C - 01

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 cái	98kg/cái (tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

Xưởng: Xi măng

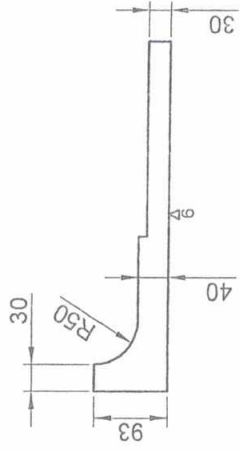
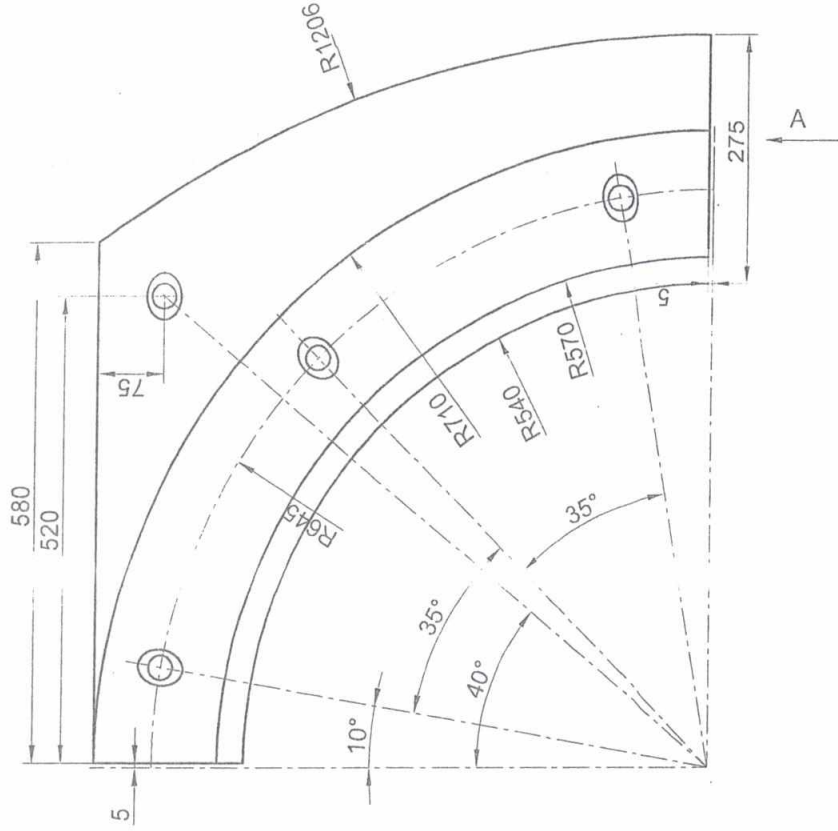
Mã bản vẽ: 02.04.09

Lỗ bu lông



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5 \times 45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ, không xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



Nhìn theo A



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÁM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

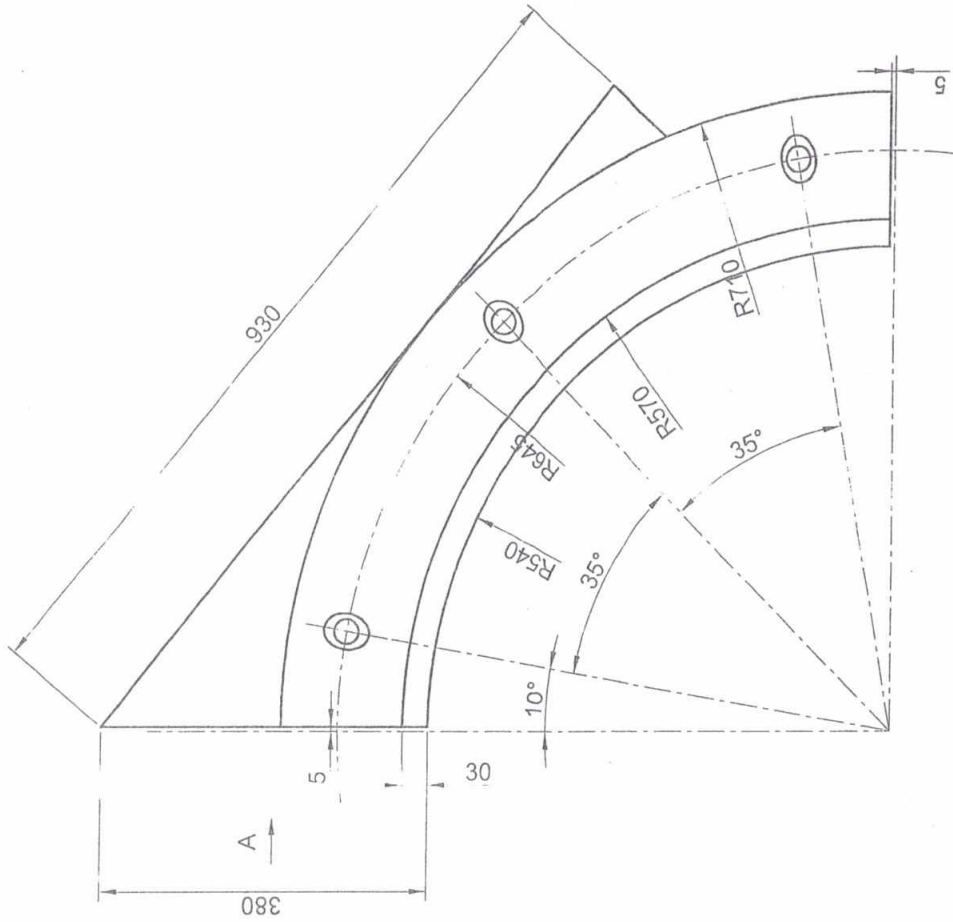
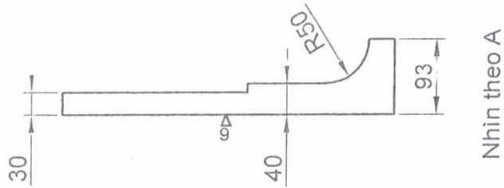
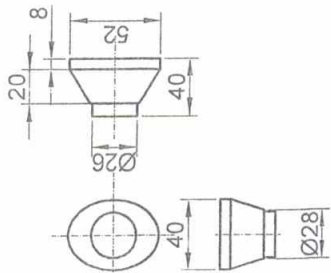
TÁM LÓT CHỮ C - 02

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 cái	98kg/cái (tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

Xưởng: Xi măng

Mã bản vẽ: 02.04.10

Lỗ bu lông



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5x45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



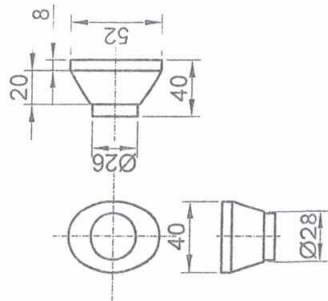
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÁM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

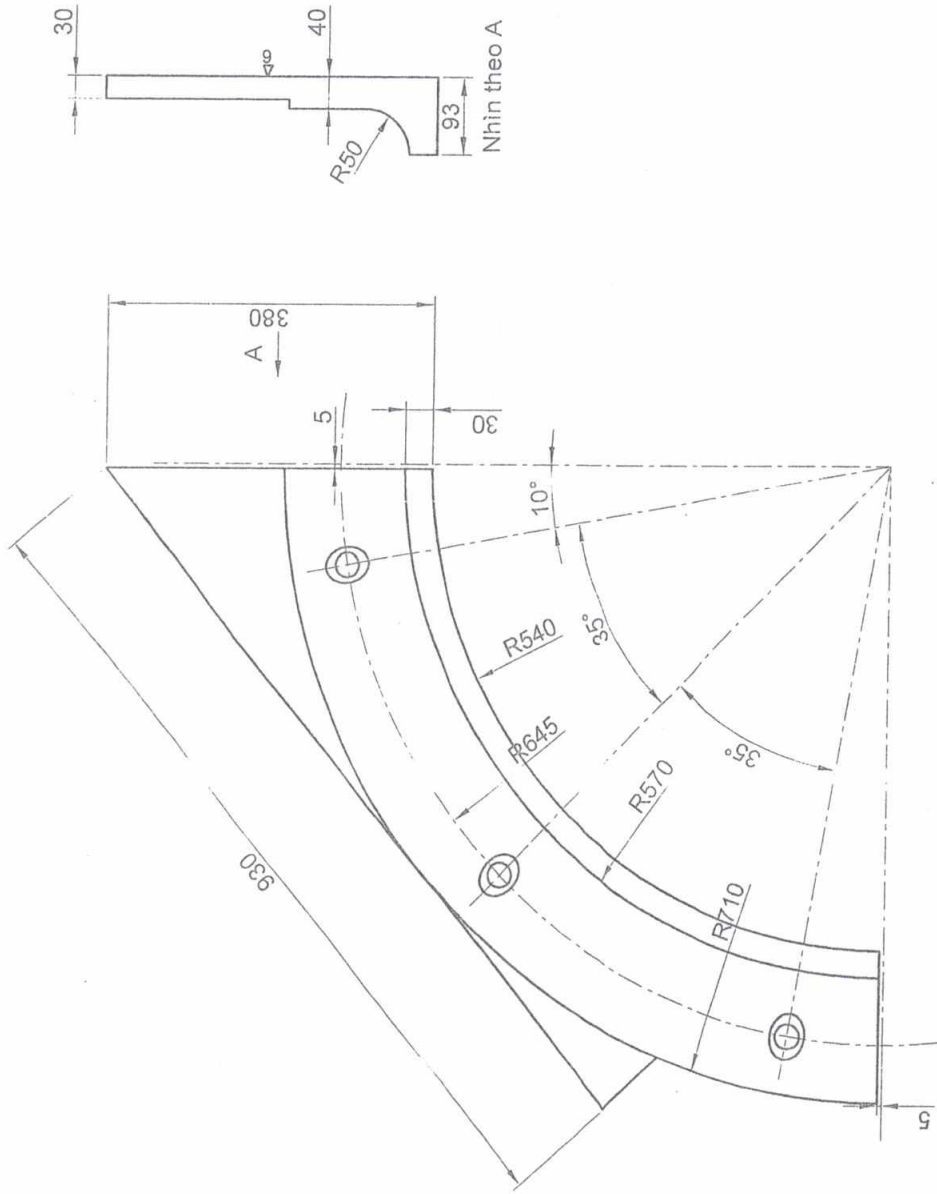
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			$\Gamma 14X2$	01 cái	78kg/cái (tạm tính)
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					
Mã bản vẽ: 02.04.11				Xưởng: Xi măng		
TÁM LÓT CHỮ C - 03						

Lỗ bu lông



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt tiếp giáp gia công tinh cấp 5
- Góc vát không ghi lấy $1.5x45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÂM LỐT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCKT	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

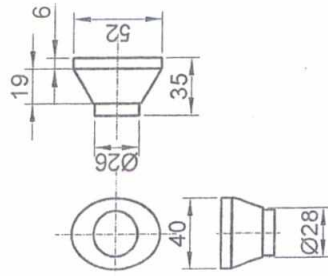
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 cái	78kg/cái (tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

TÂM LỐT CHỮ C - 04

Mã bản vẽ: 02.04.12

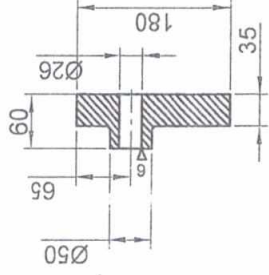
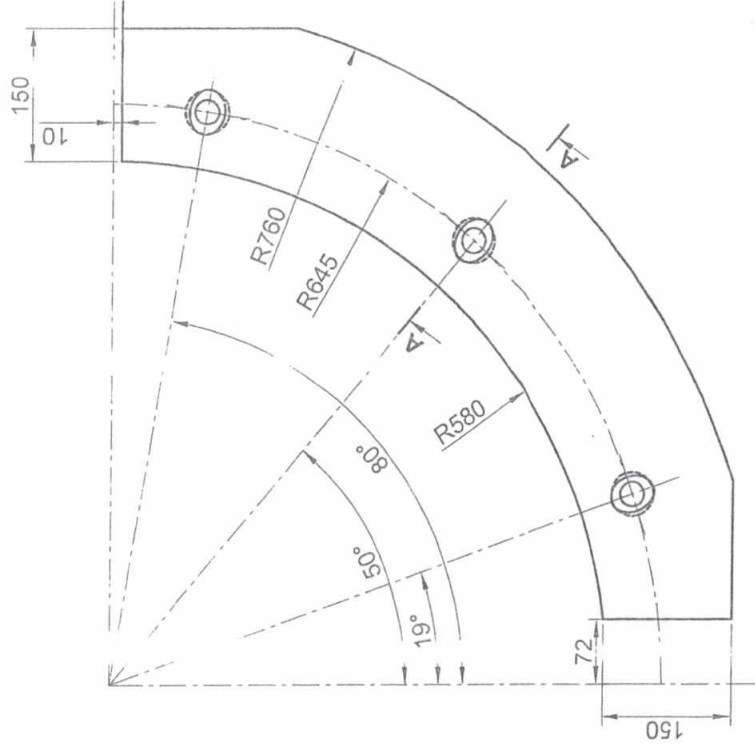
Xưởng: Xi măng

Lỗ bu lông



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5 \times 45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



Mặt cắt A-A

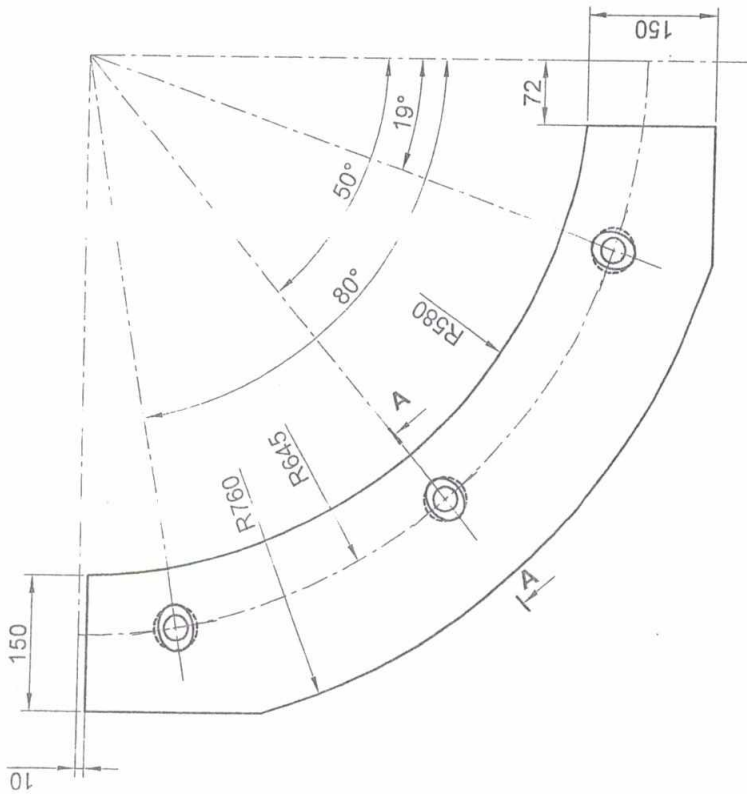


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

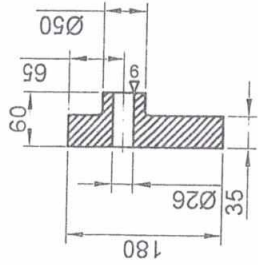
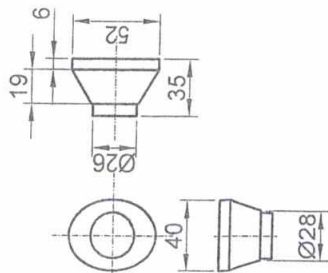
TÁM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ngày	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			01 cái	55kg/cái (tạm tính)
P. KT&NCKT	Dương Văn Hà			Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà			Xường: Xi măng	
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành			Mã bản vẽ: 02.04.13	
TÁM LÓT CHỮ C - 05					



Lỗ bu lông



Mặt cắt A-A

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5x45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

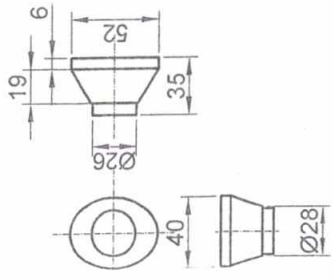
TẮM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			01 cái	55kg/cái (lạm tính)
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà			Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà			Xường: Xi măng	
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành			Mã bản vẽ: 02.04.14	

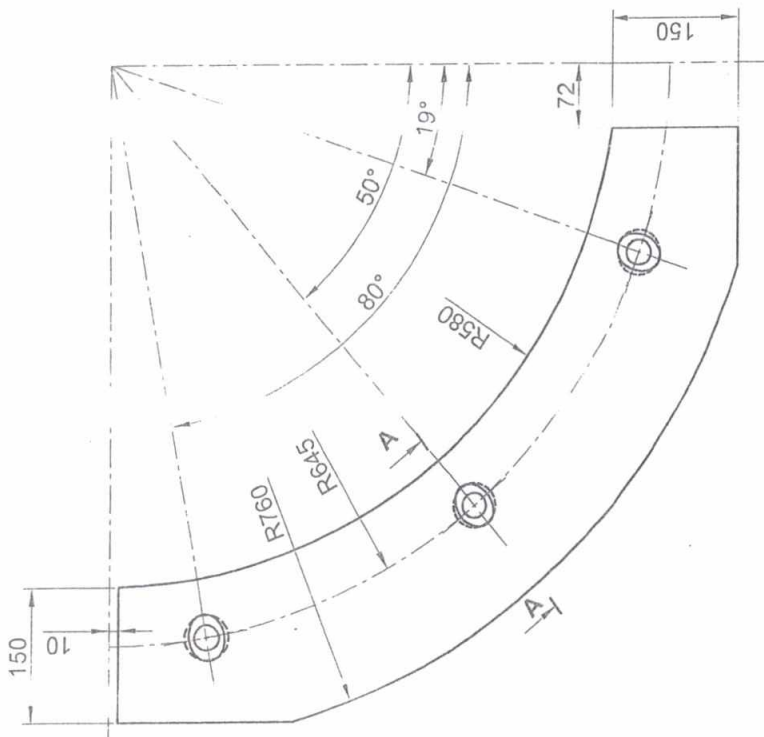
TẮM LÓT CHỮ C - 06

Lỗ bu lông

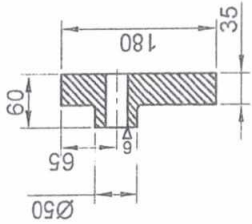


Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: Γ 14X2
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Cạnh vát không ghi lấy $1.5 \times 45^\circ$
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc
- Các kích thước chỉ mang tính tham khảo, trước khi chế tạo nhà thầu đến hiện trường đo vẽ, khảo sát thực tế.



Mặt cắt A-A



Mặt cắt A-A



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TẮM LỐT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

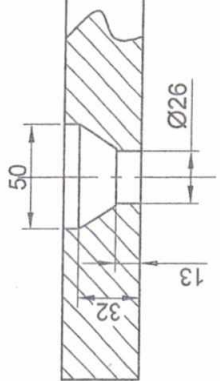
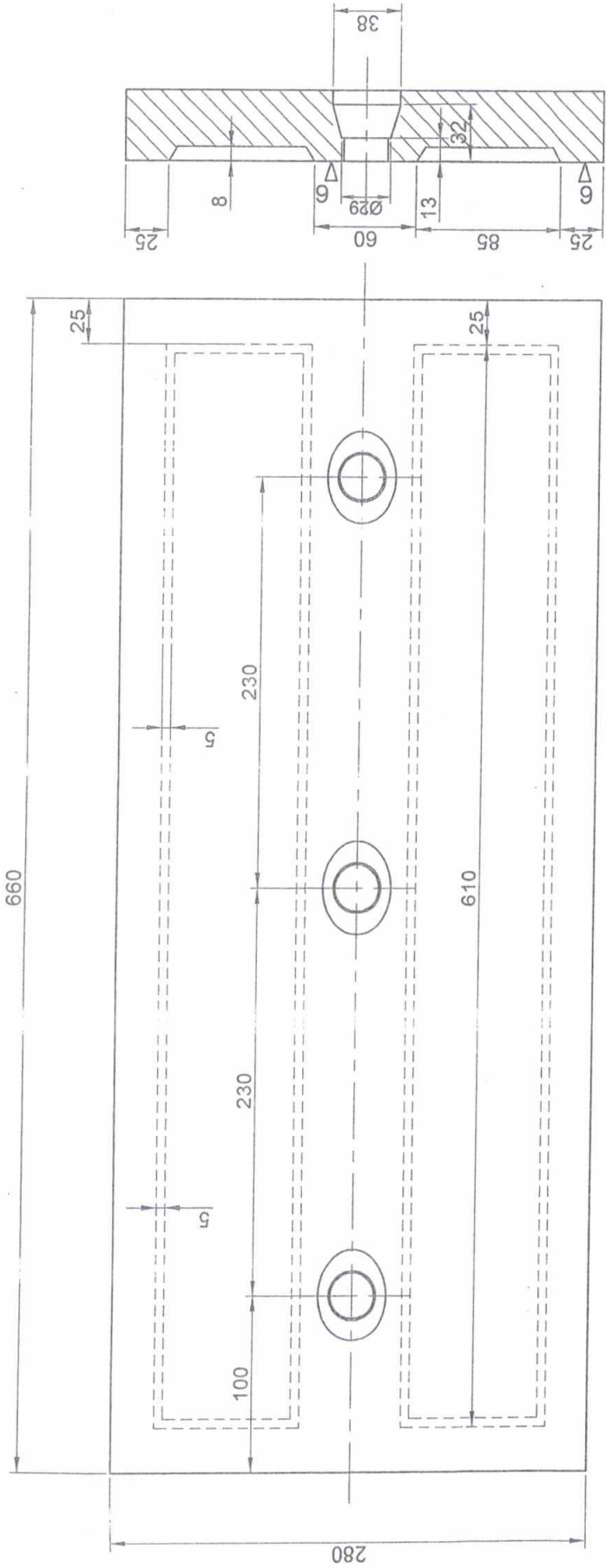
Chức năng	Họ và tên	Đã ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Đương Văn Hà		
Kiểm tra	Đương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

TẮM LỐT CHỮ C - 07



Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Γ 14X2	01 cái	55kg/cái (tạm tính)
Tờ. 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

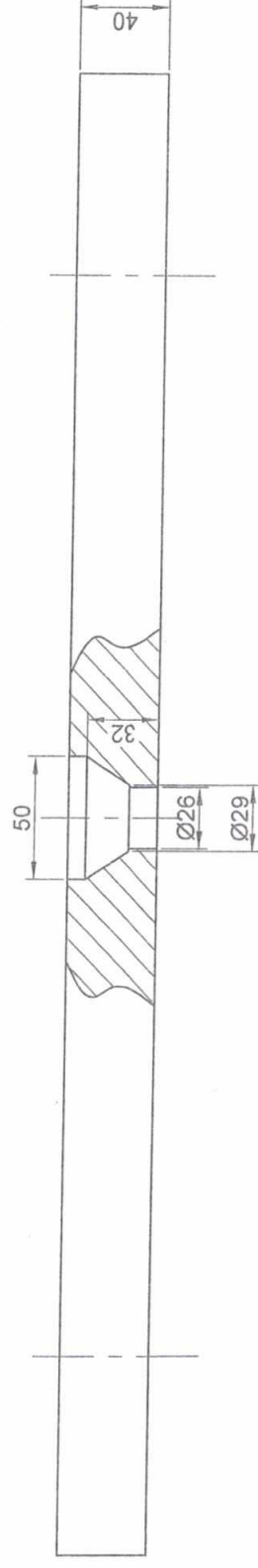
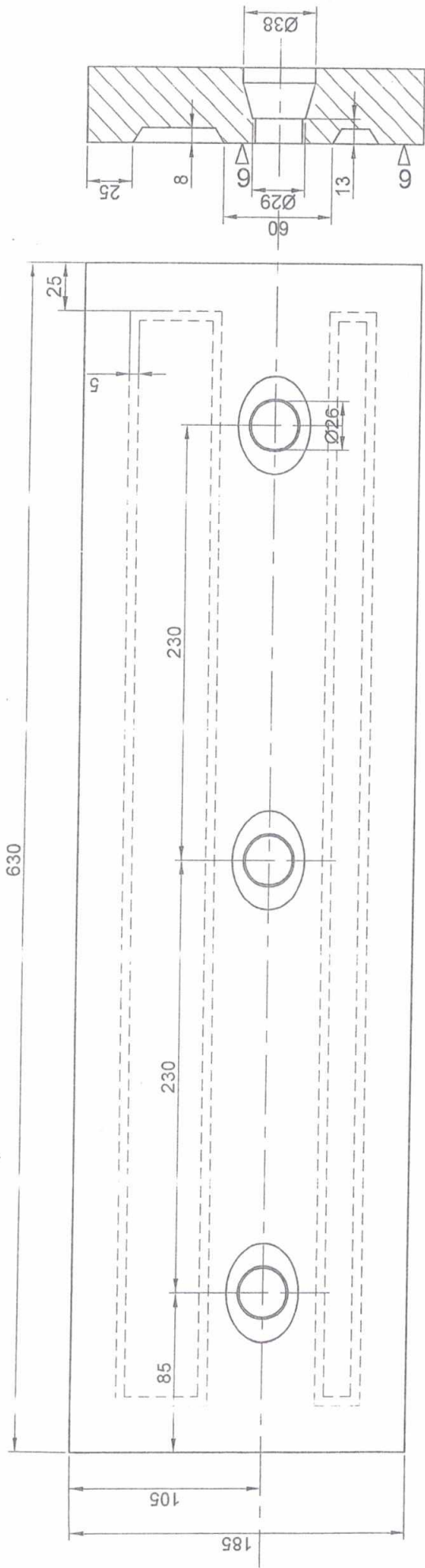
Xưởng: Xi măng

Mã bản vẽ: 02.04.15







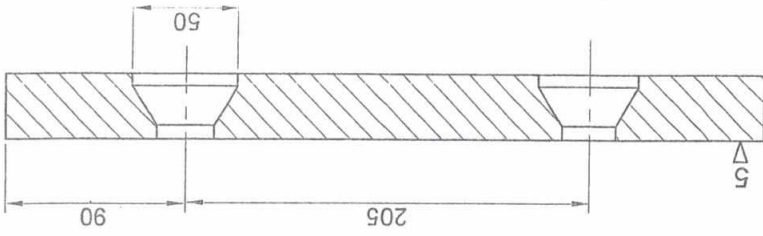
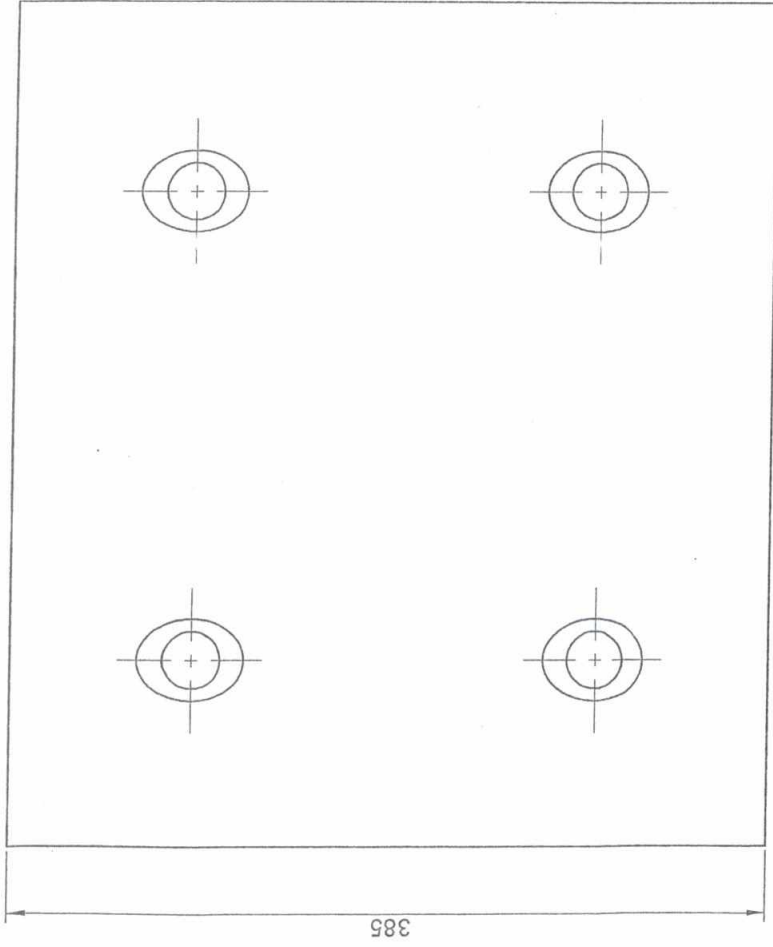
Yêu cầu kĩ thuật
 Các kích thước phải đạt như hình vẽ.
 Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 4
 Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ.
 Độ phẳng của mặt tiếp xúc nhỏ hơn 1
 Các góc lượn còn lại R5.

 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		TÂM LÓT Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02		Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
				T14X2	02 cái	50kg/cái (tạm tính)
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Duyệt P. KT&NCTK	Nguyễn Ngọc Linh Dương Văn Hà	 		Mã bản vẽ: 02.04.04		
Kiểm tra	Dương Văn Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					
Xưởng: Xi măng						

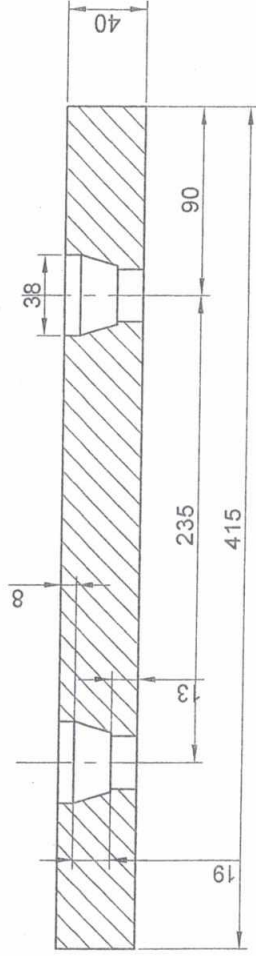


Yêu cầu kĩ thuật
 Các kích thước phải đạt như hình vẽ.
 Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 6
 Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ.
 Các góc lượn còn lại R5.

 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		TÂM LÓT Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02			
				Mã bản vẽ: 02.04.05	Xưởng: Xi măng
Chức năng Duyệt P. KT&NCTK Kiểm tra Người vẽ	Họ và tên Nguyễn Ngọc Linh Dương Văn Hà Dương Văn Hà Nguyễn Đức Thành	Chữ ký   	Ngày	Số lượng 02 cái	Khối lượng 33kg/cái (tạm tính)
		TÂM LÓT 21.02.02		Vật liệu Γ14X2	Tỷ lệ: N/A
				Tờ: 01	Số tờ: 01



Yêu cầu kỹ thuật
 Gia công đúng kích thước bản vẽ
 Sai lệch giới hạn không ghi lấy theo cấp chính xác IT12
 Cạnh vát không ghi lấy 1.5x45°



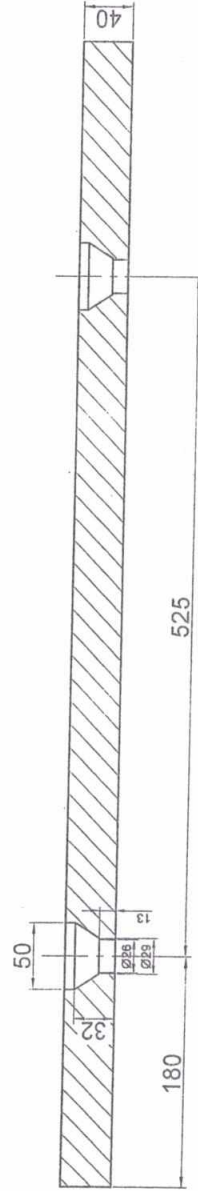
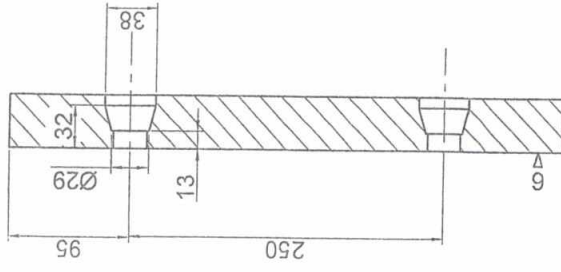
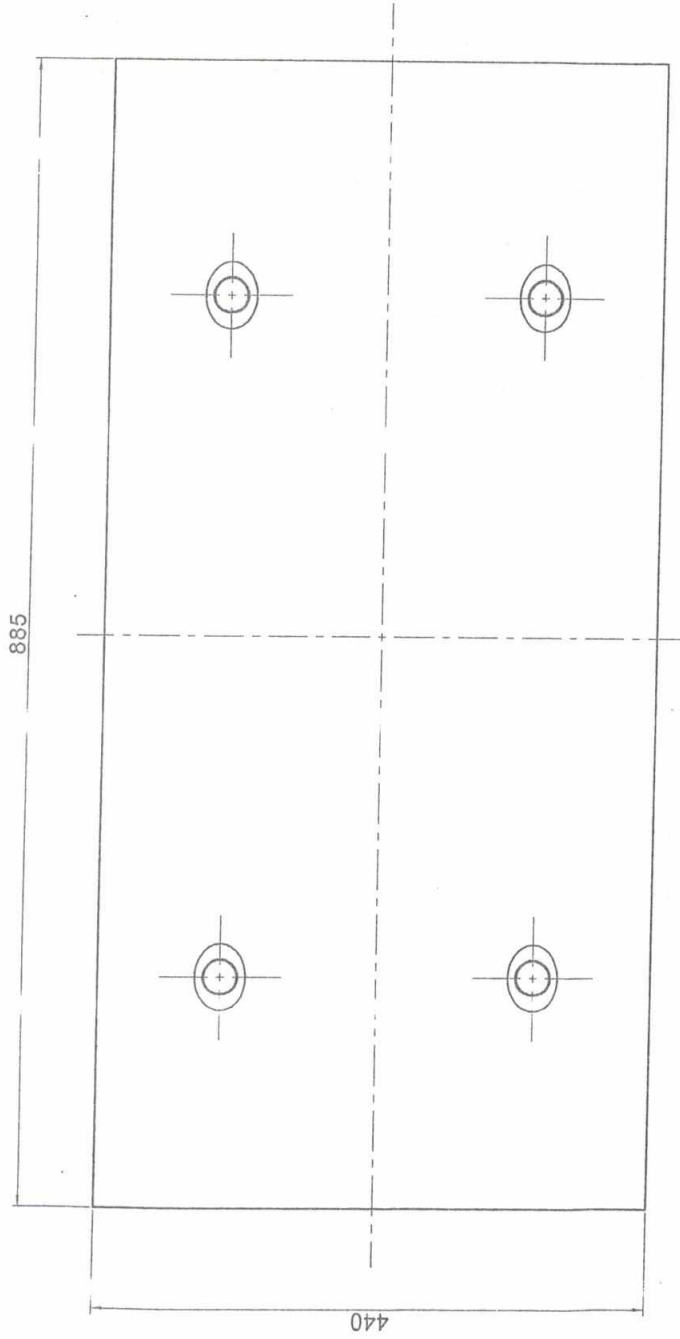
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÂM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

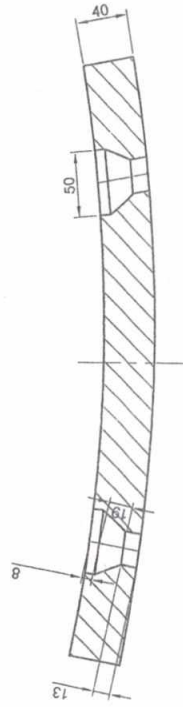
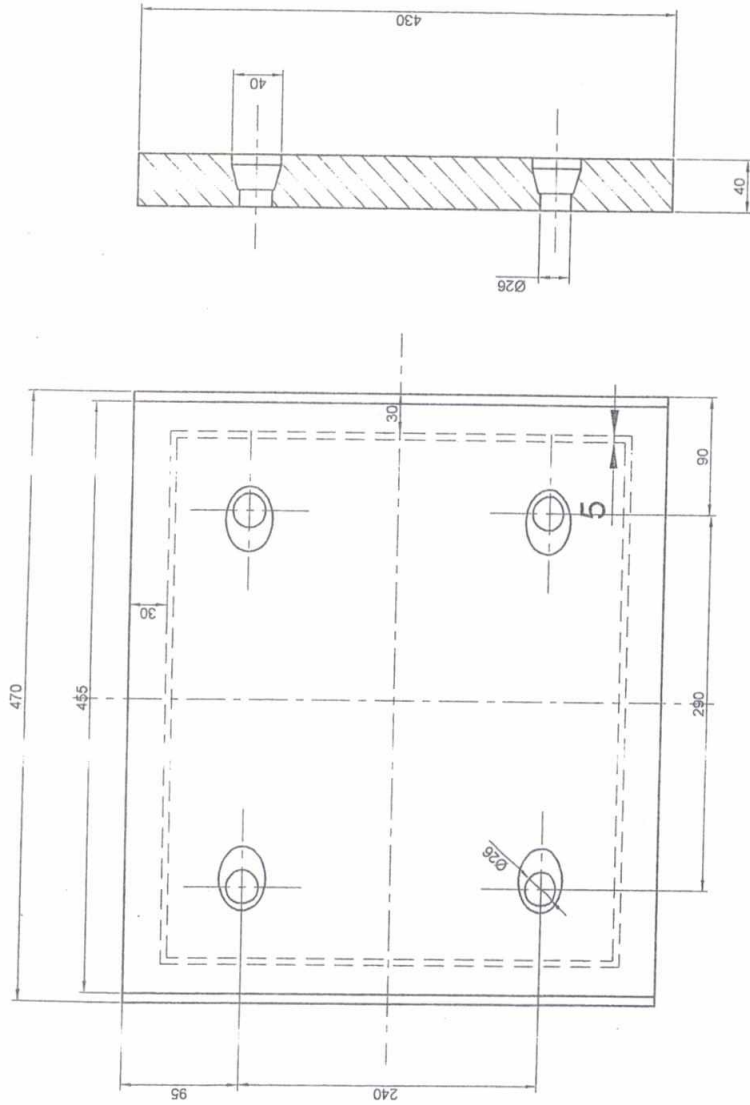
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh	<i>[Signature]</i>		T14X2	08 cái	50kg/cái (tạm tính)
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>		Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>				
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành	<i>[Signature]</i>				
Mã bản vẽ: 02.04-06				Xưởng: Xi măng		

TÂM LÓT 21.02.03



Yêu cầu kỹ thuật
 Các kích thước phải đạt như hình vẽ.
 Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 6
 Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ.
 Độ phẳng của mặt tiếp xúc nhỏ hơn 1
 Các góc lượn còn lại R5.

 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		TẤM LÓT Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02		
				Chức năng Duyệt P. KT&NCTK Kiểm tra Người vẽ
		TẤM LÓT 21.02.04		
		Vật liệu Γ14X2 Tờ: 01	Số lượng 03 cái Số tờ: 01	Khối lượng 120kg/cái (tạm tính) Tỷ lệ: N/A
		Mã bản vẽ: 02.04.07		Xưởng: Xi măng



Yêu cầu kĩ thuật

Các kích thước phải đạt như hình vẽ.

Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 4

Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khi ngâm xi.

Các góc lượn còn lại R5.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÁM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

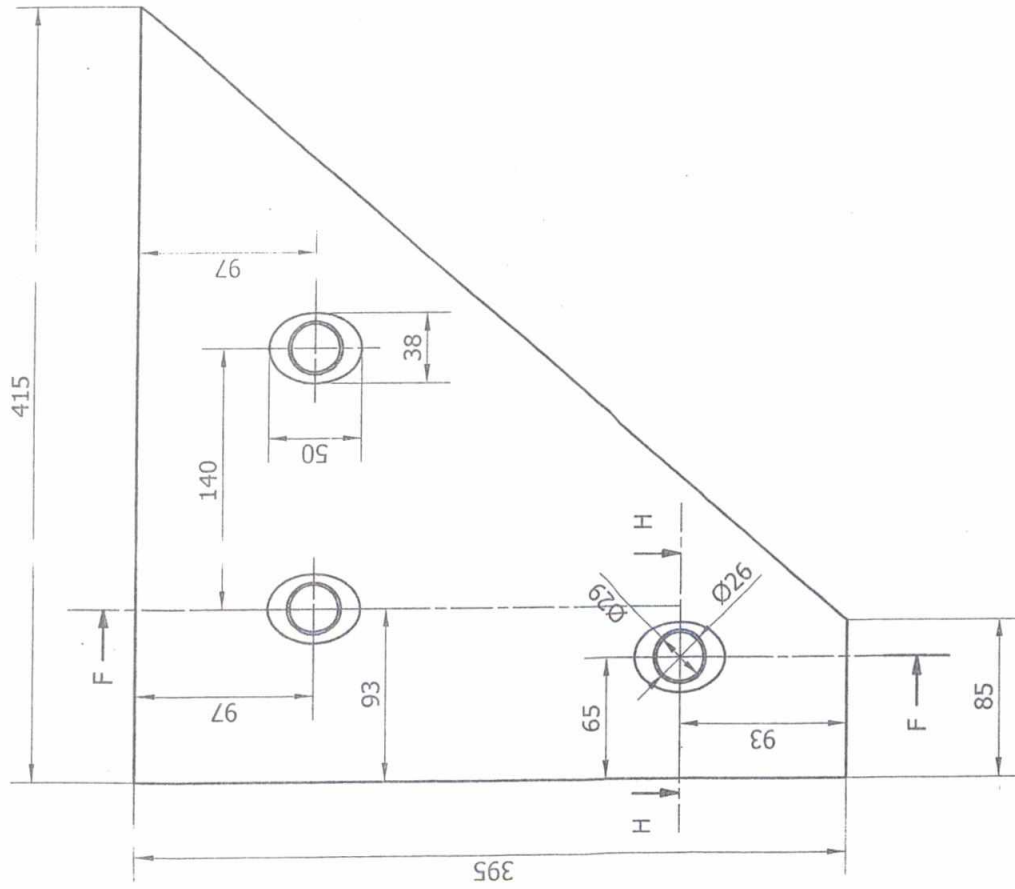
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

TÁM LÓT 21.02.05

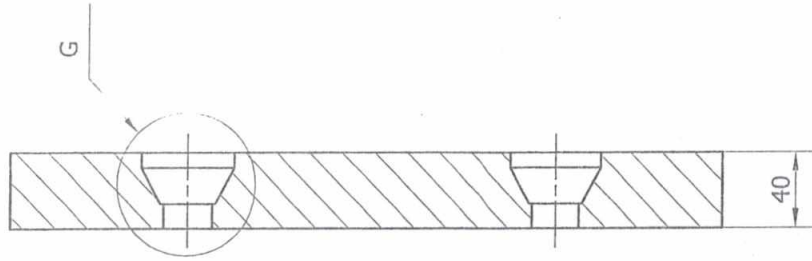
Mã bản vẽ: 02.04.08

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Γ14X2	06 cái	62kg/cái (tạm tính)
Tờ: 01	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

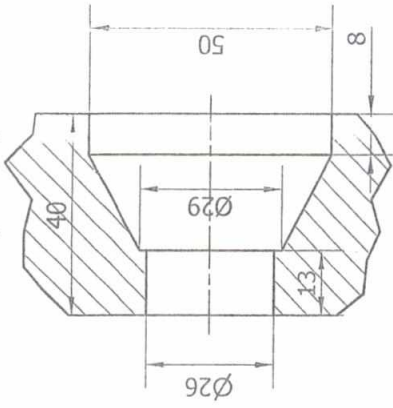
Xưởng: Xi măng



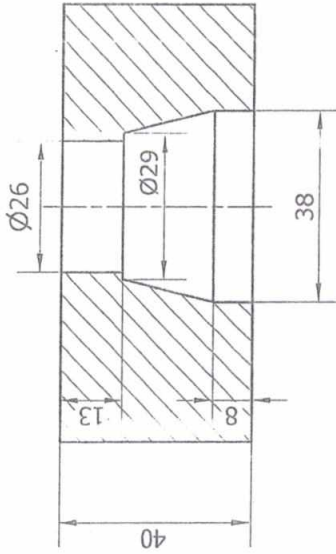
F-F (1:4)



G (1:1,5)



H-H (1:1,5)



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Gia công đúng kích thước bản vẽ
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải được làm sạch, không rỗ khí, không ngấm xi
- Làm cùn các cạnh sắc



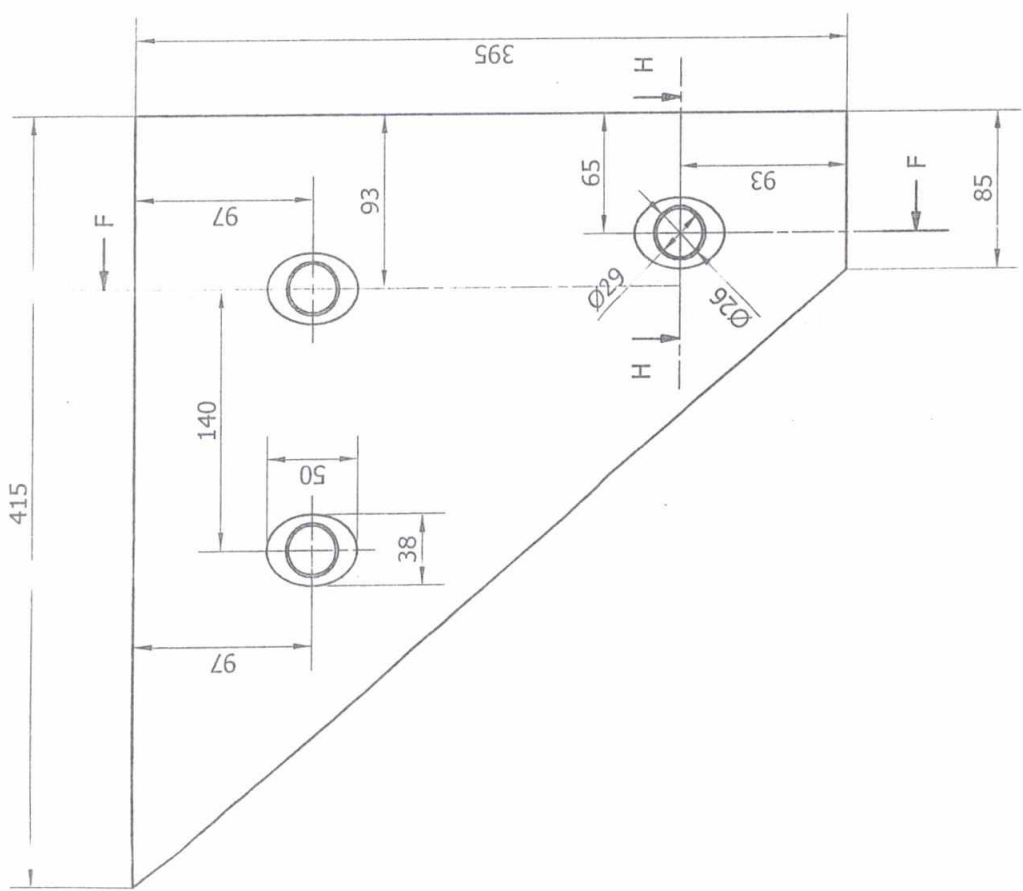
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TẤM LÓT

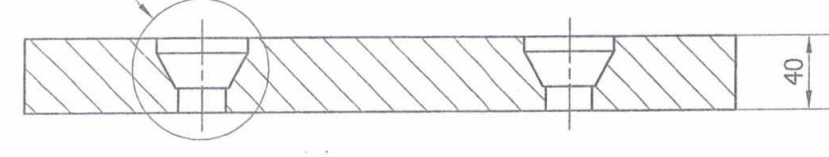
Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh			$\Gamma 14X2$	01 tấm	30 kg/tấm (tạm tính)
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà			Tơ: 1/1	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Kiểm tra	Dương Văn Hà					
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành					
				Mã bản vẽ: 02.04.17		
				Xưởng: Xi măng		

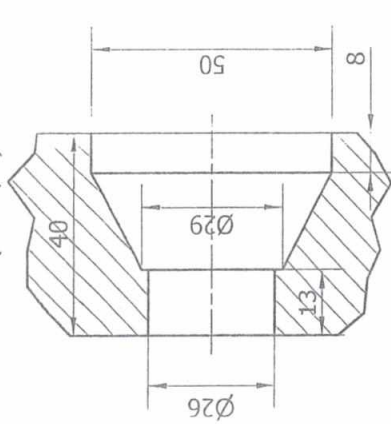
TẤM LÓT HÌNH THANG 01



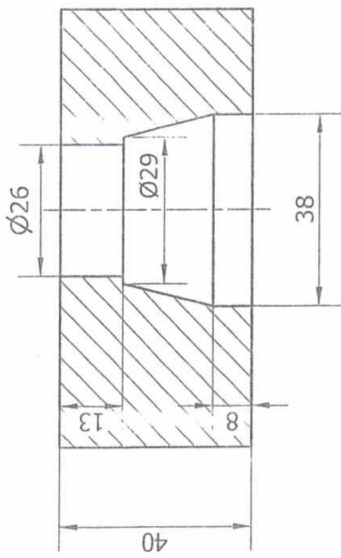
F-F (1 : 4)



G (1 : 1,5)



H-H (1 : 1,5)



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Gia công đúng kích thước bản vẽ
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải được làm sạch, không rỉ khí, không ngâm xỉ
- Làm cùn các cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

TÁM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh	<i>[Signature]</i>	
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>	
Kiểm tra	Dương Văn Hà	<i>[Signature]</i>	
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành	<i>[Signature]</i>	

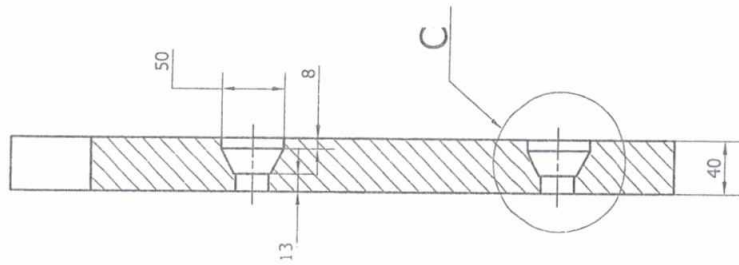
TÁM LÓT HÌNH THANG 02

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 tấm	30 kg/tấm (tạm tính)
Tờ: 1/1	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A

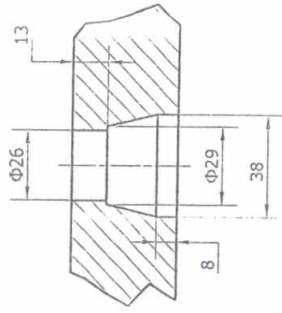
Mã bản vẽ: 02.04.18

Xương: Xi măng

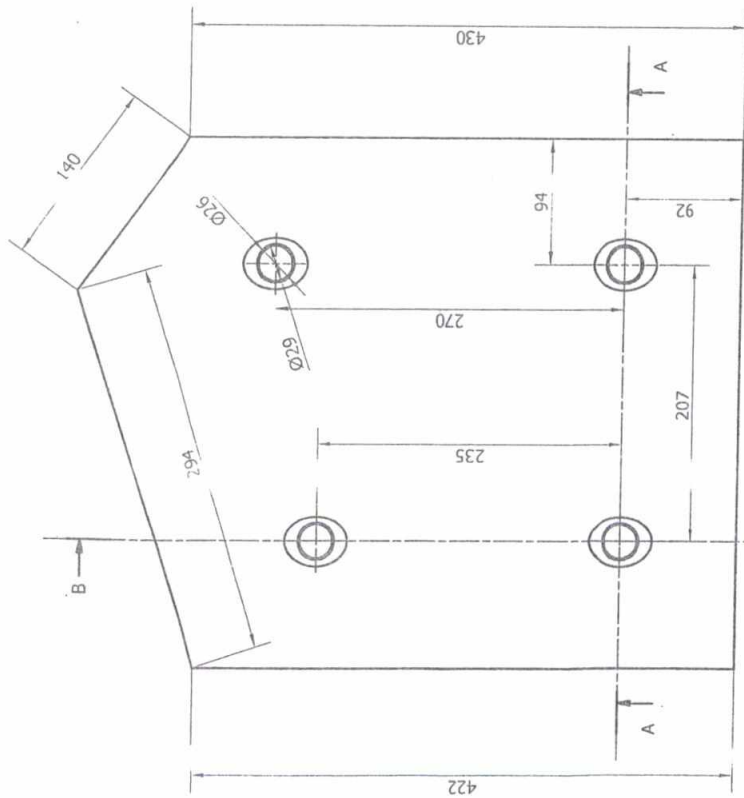
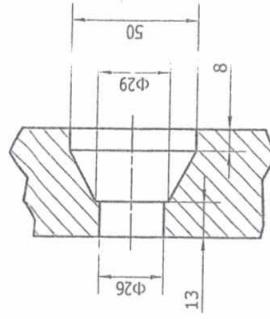
B-B (1:4)



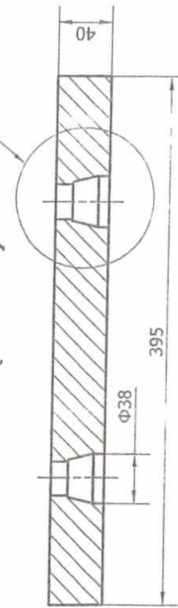
E (1:2)



C (1:2)



A-A (1:4)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngâm xi
- Làm cùn cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

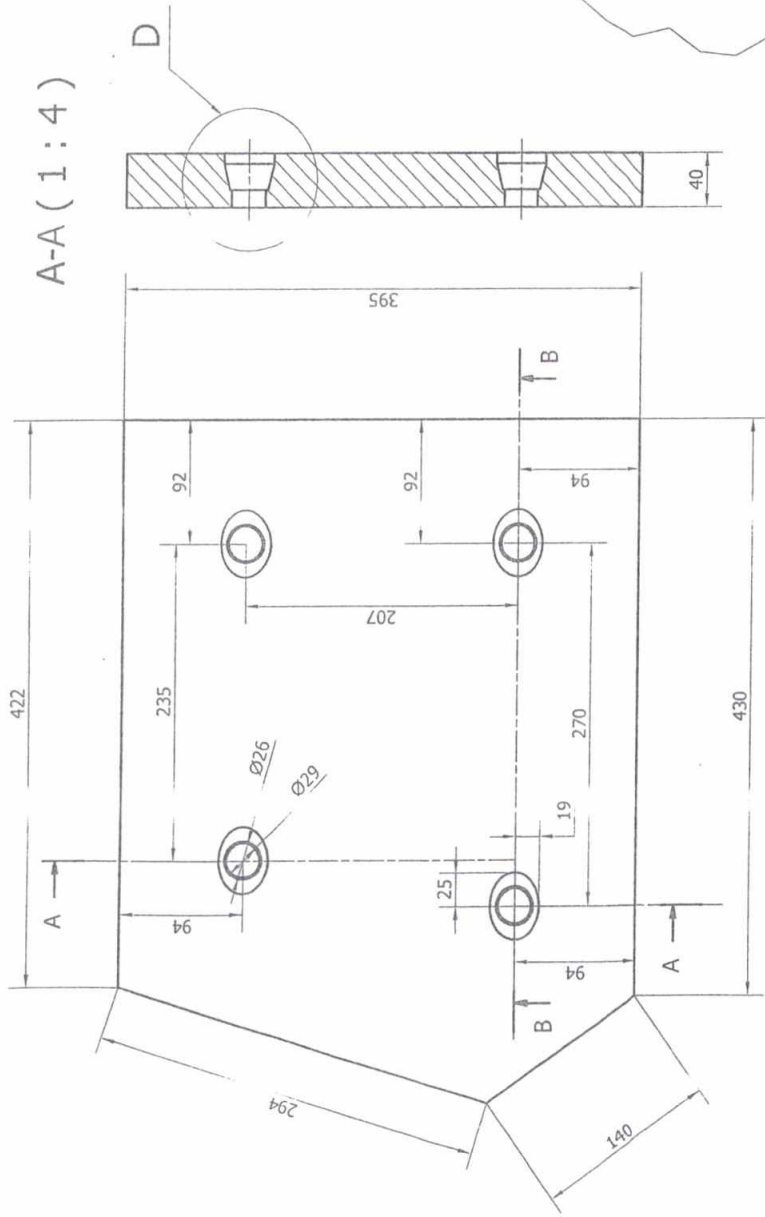
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

Mã bản vẽ: 02.04.19

TÂM LÓT

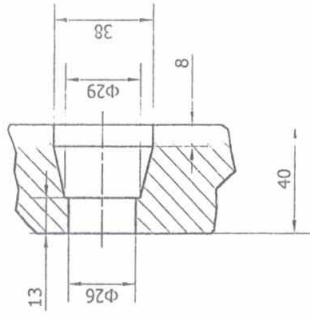
Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 tấm	57 kg/tấm (tạm tính)
Tỉ lệ	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Xưởng: Xi măng		

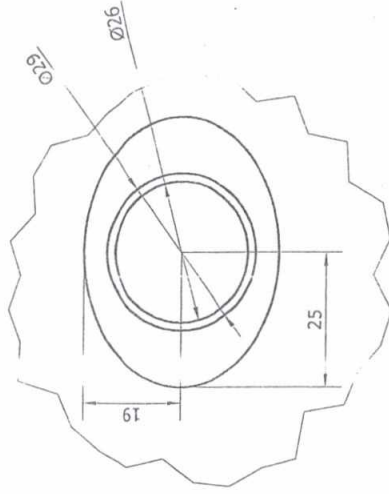


A-A (1:4)

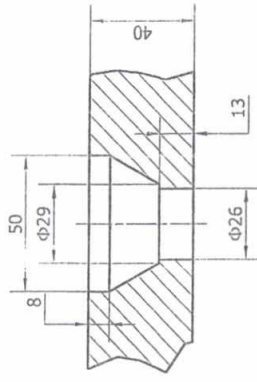
D (1:2)



E (1:1)

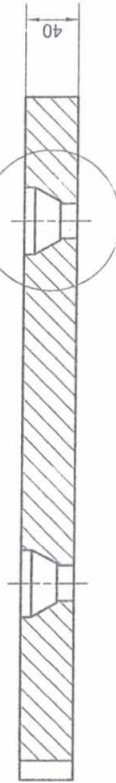


C (1:2)



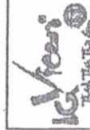
C

B-B (1:4)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

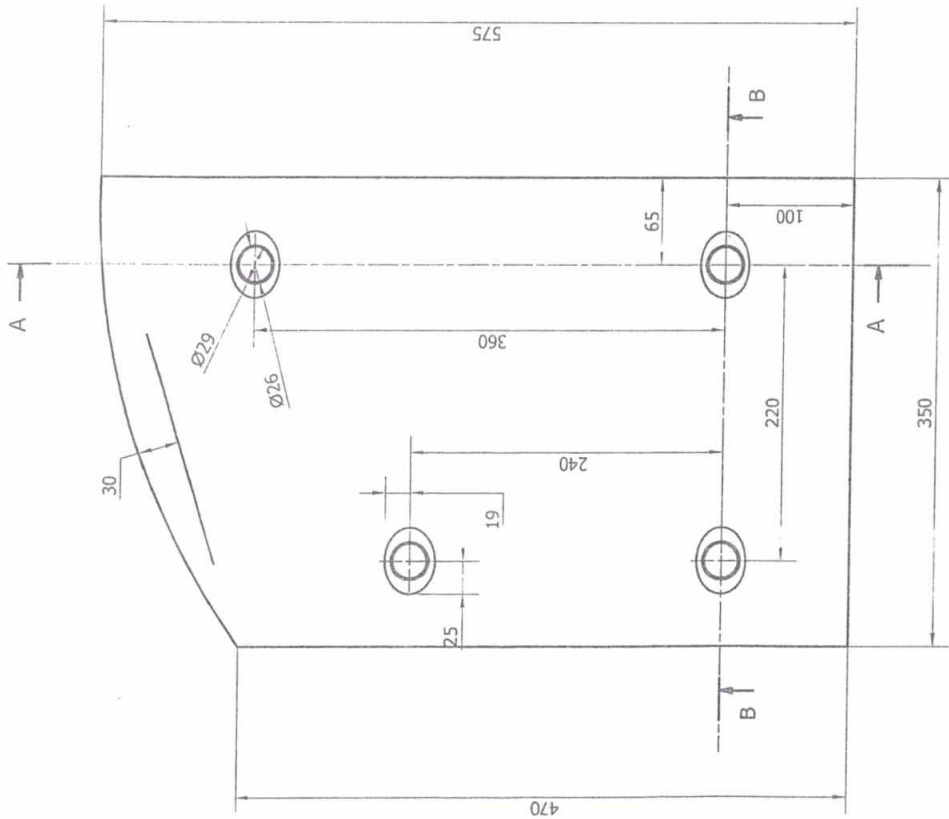
TÂM LÓT NGŨ GIÁC 02

TÂM LÓT		Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02	
Vật liệu	Số lượng	Đơn vị	Đơn vị tính
$\Gamma 14X2$	01 tâm		
Tỷ lệ: 1/1	Số tờ: 01		
			Tỷ lệ: N/A

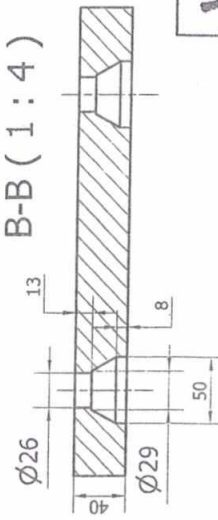
Mã bản vẽ: 02.04.20

Xưởng: Xi măng

A-A (1:4)



B-B (1:4)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngâm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

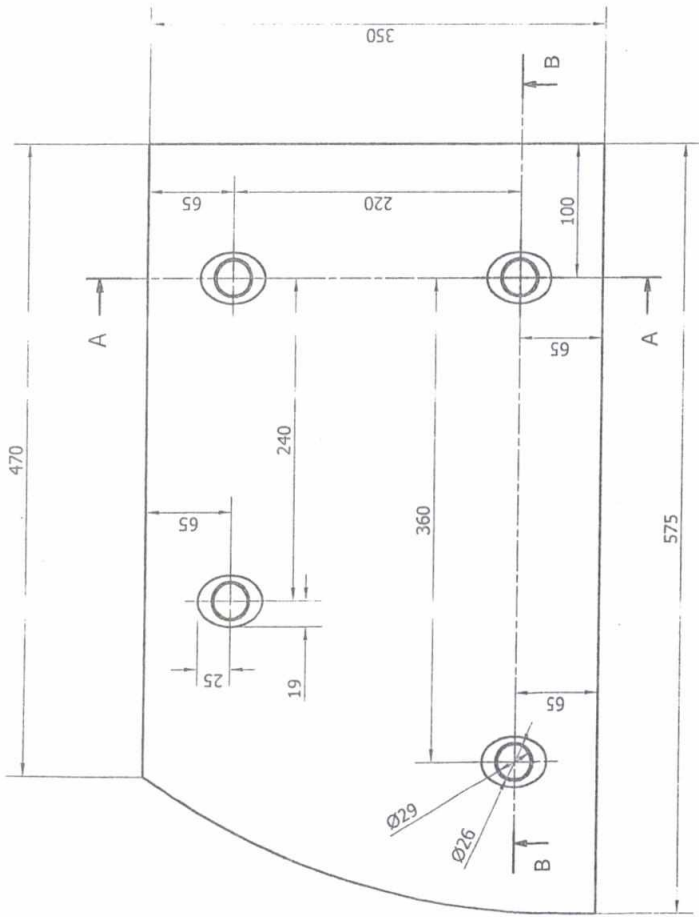
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCKT	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

Mã bản vẽ: 02.04.21

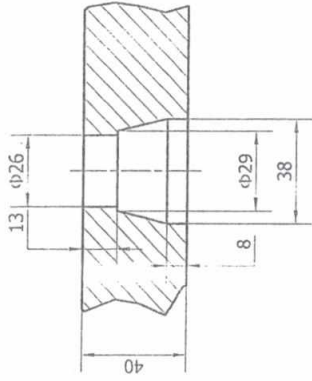
TẮM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02

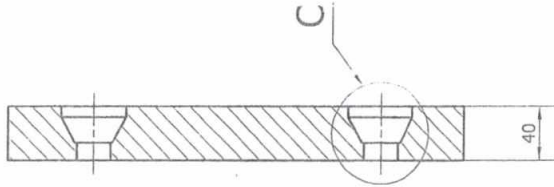
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
$\Gamma 14X2$	01 tấm	59 kg/tấm (tạm tính)
Tô 1/1	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A
Xưởng: Xi măng		



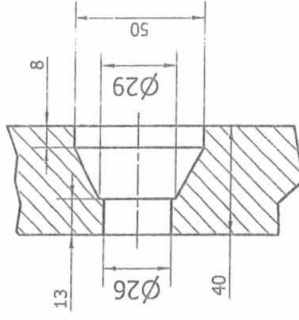
D (1:2)



A-A (1:4)

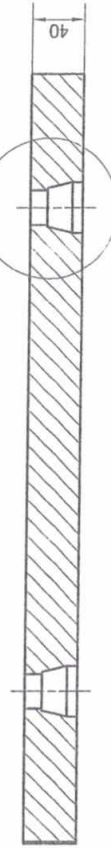


C (1:2)



D

B-B (1:4)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm: sạch, không rỉ khí, ngâm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

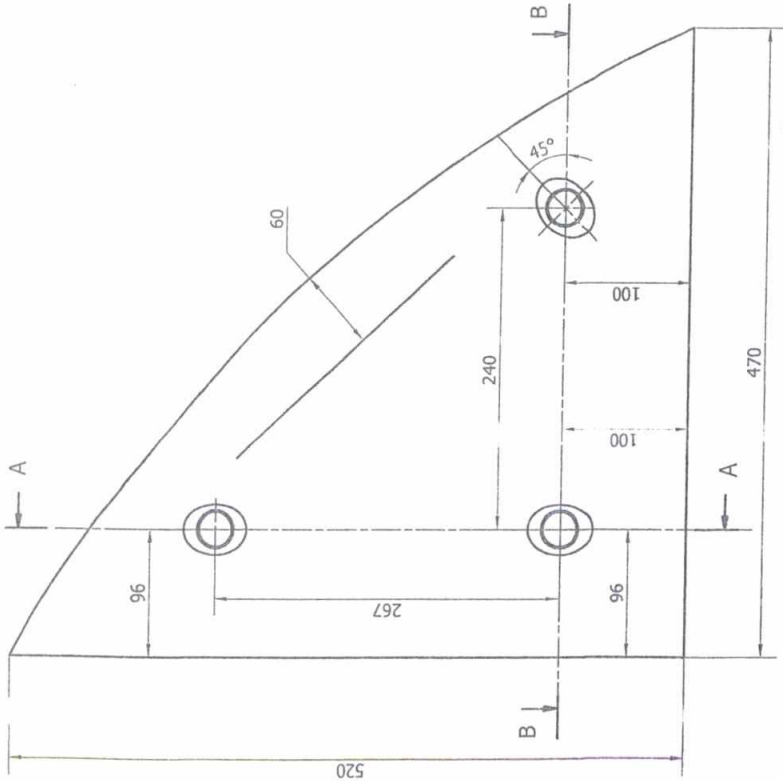
TĂM LÓT HÌNH THANG CONG 02

Mã bản vẽ: 02.04.22

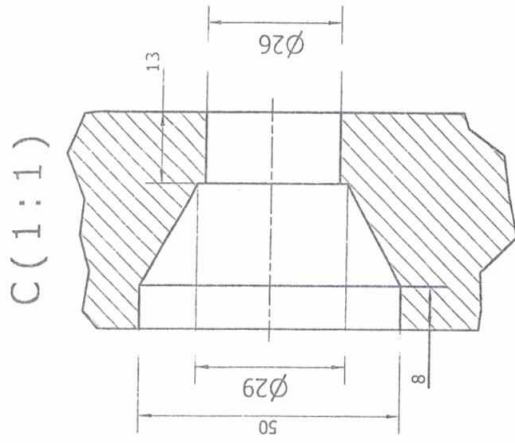
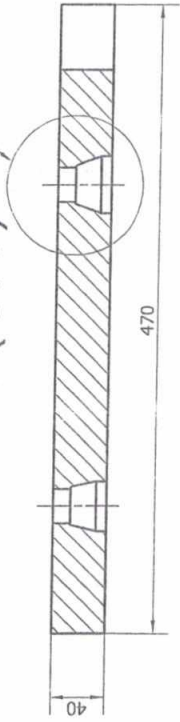
TĂM LÓT

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02			
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng	
$\Gamma 14X2$	01 tấm	59 kg/tấm (tạm tính)	
Tờ: 1/1	Số tờ: 01	Tỷ lệ: N/A	
Xưởng: Xi măng			

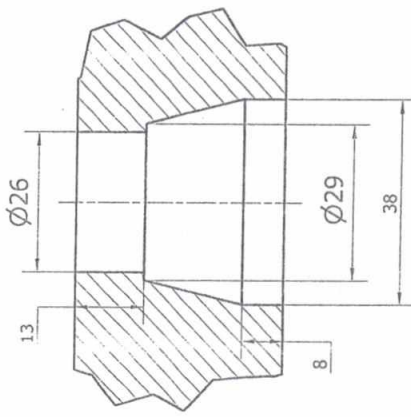
A-A (1:4)



B-B (1:4)



D (1:1)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ngày
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh		
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà		
Kiểm tra	Dương Văn Hà		
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành		

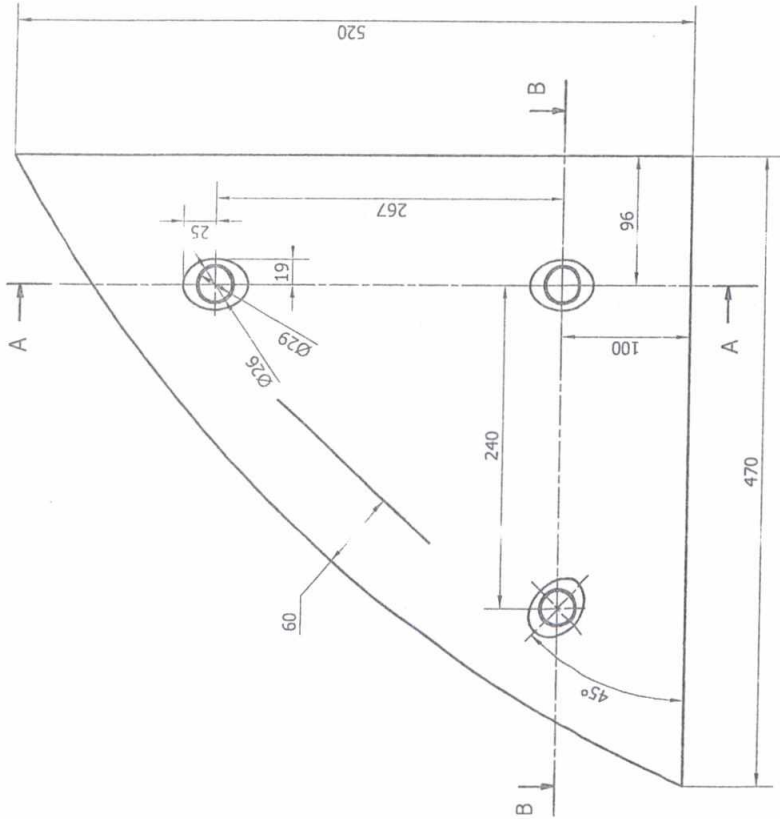
TĂM LÓT TAM GIÁC
CONG 01

Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02			
Vật liệu	Số lượng	Khối lượng	
$\Gamma 14X2$	01 tấm	47 kg/tấm (tạm tính)	
Tỷ lệ	Số tờ 01	Tỷ lệ: N/A	

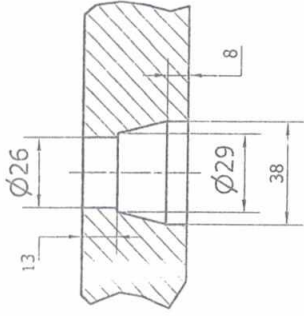
Xưởng: Xi măng

Mã bản vẽ: 02.04.23

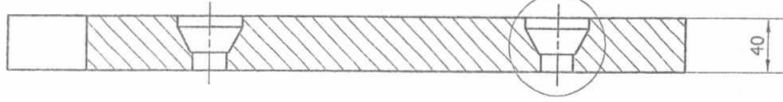
A-A (1:4)



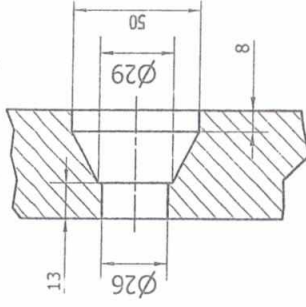
D (1:2)



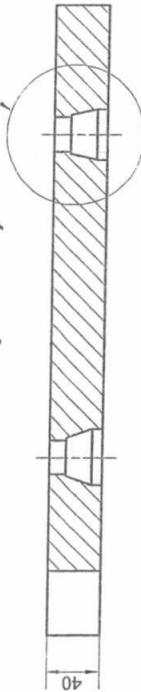
C



C (1:2)



B-B (1:4)



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: $\Gamma 14X2$
- Các bề mặt lắp ghép gia công tinh cấp 5
- Vật đúc phải làm sạch, không rỉ khí, ngậm xỉ
- Làm cùn cạnh sắc

		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO		TÁM LÓT TAM GIÁC CONG 02		TÁM LÓT	
						Hạng mục: MÁY ĐẬP PHỤ GIA 21.02	
Chức năng:	Họ và tên:	Ngày:	Vật liệu:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Số tờ:	Xưởng:
Duyệt:	Nguyễn Ngọc Linh	Ngày:	$\Gamma 14X2$	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Số tờ:	Xi măng
P. KT&NCTK	Dương Văn Hà	Ngày:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Số tờ:	Xi măng
Kiểm tra	Dương Văn Hà	Ngày:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Số tờ:	Xi măng
Người vẽ	Nguyễn Đức Thành	Ngày:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Tỷ lệ:	Số tờ:	Xi măng
				Mã bản vẽ: 02.04.24			